

BÙI HỒNG QUÂN – CAO THÀNH TẤN – HUỖNH VĂN SƠN



**TÀI LIỆU TẬP HUẤN,
BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN
SỬ DỤNG SÁCH GIÁO KHOA**
môn

GIÁO DỤC CÔNG DÂN

LỚP 9

BỘ SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO
(Tài liệu lưu hành nội bộ)



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

BÙI HỒNG QUÂN – CAO THÀNH TẤN – HUỖNH VĂN SƠN

TÀI LIỆU TẬP HUẤN,
BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN
SỬ DỤNG SÁCH GIÁO KHOA

môn

**GIÁO DỤC
CÔNG DÂN**

LỚP

9

BỘ SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

(Tài liệu lưu hành nội bộ)



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

GV	Giáo viên
GDCD	Giáo dục công dân
HS	Học sinh
NXBGDVN	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
SGK	Sách giáo khoa
SGV	Sách giáo viên

Lời nói đầu

Sách *Giáo dục công dân 9*, bộ sách *Chân trời sáng tạo* là một trong những quyển sách đặc thù, góp phần phát triển nhân cách học sinh hài hoà, toàn diện. Nhóm tác giả đã cố gắng lựa chọn ngữ liệu, kết cấu nội dung trong mỗi chủ đề, sao cho vừa khoa học vừa đạt mục tiêu rèn luyện các giá trị đạo đức, kĩ năng sống, giáo dục kinh tế, pháp luật mà vẫn đảm bảo sự khai thác hiệu quả về cảm xúc của học sinh với sự rung động, thông hiểu tích cực.

Sách *Giáo dục công dân 9* dựa trên nguyên tắc của sự trải nghiệm và khám phá của học sinh, tập trung khai thác các hoạt động cụ thể của người học theo định hướng lấy người học là trung tâm. Trên cơ sở khám phá, tích lũy các biểu tượng, giá trị; kiến tạo các tri thức, xác lập các mô hình kĩ năng, các hành động cần rèn luyện, các bài học hay ghi nhớ có liên quan đến chuẩn mực đạo đức, các giá trị đạo đức, các kĩ năng sống,... được hình thành và phát triển. Đây cũng chính là đặc trưng của dạy học phát triển phẩm chất, năng lực của người học mà nhiều nước trên thế giới đã và đang áp dụng.

Tài liệu tập huấn, bồi dưỡng giáo viên sử dụng sách giáo khoa môn Giáo dục công dân lớp 9 được thiết kế dựa trên những hiểu biết về sách *Giáo dục công dân 9* với mục tiêu đảm bảo sao cho thầy cô có thể làm chủ môn học này, thực hành thiết kế các hoạt động dạy học tích cực, dựa trên sự đan cài khéo léo thông qua những suy nghĩ, cảm nhận, tự đánh giá và những rung cảm của các em một cách tự nhiên. Như vậy, các chủ đề, bài học sẽ trở nên vừa sức, gần gũi và quen thuộc với các em, cũng có nghĩa là hiệu quả của mục tiêu dạy học môn *Giáo dục công dân lớp 9* được đảm bảo.

Tài liệu này được thực hiện theo các nội dung tuyến tính. Các nội dung được đảm bảo nhất quán với Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 và các chuyên đề mà quý thầy cô đang được bồi dưỡng để triển khai Chương trình môn Giáo dục công dân, hướng đến mục tiêu giúp quý thầy cô tổ chức môn học này sao cho hiệu quả.

Hi vọng tài liệu sẽ đáp ứng những mong mỏi của quý thầy cô để có thể làm chủ và sẵn sàng thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 cũng như môn Giáo dục công dân lớp 9.

Kính chúc quý thầy cô triển khai môn Giáo dục công dân thật hiệu quả, đạt được thành công và hạnh phúc trong nghề nghiệp của mình.

NHÓM TÁC GIẢ

Mục lục

LỜI NÓI ĐẦU	3
PHẦN I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG	5
1. GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC CÔNG DÂN 2018	5
1.1. Vị trí và mục tiêu dạy học môn Giáo dục công dân	5
1.2. Yêu cầu cần đạt của môn Giáo dục công dân	5
1.3. Nội dung giáo dục của môn Giáo dục công dân	7
2. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ SÁCH GIÁO KHOA GIÁO DỤC CÔNG DÂN 9	7
2.1. Quan điểm tiếp cận, biên soạn	7
2.2. Giới thiệu, phân tích cấu trúc sách và cấu trúc bài học	8
2.3. Cấu trúc mỗi chủ đề/ bài học theo các mạch kiến thức	14
2.4. Minh họa chủ đề/ bài học đặc trưng cho những điểm mới của sách	15
2.5. Gợi ý khung kế hoạch dạy học (phân phối chương trình)	17
3. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC/ TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN LỚP 9	19
3.1. Những yêu cầu cơ bản về phương pháp dạy học môn Giáo dục công dân	19
3.2. Hướng dẫn và gợi ý phương pháp, hình thức tổ chức dạy học/ tổ chức hoạt động	21
4. HƯỚNG DẪN KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN LỚP 9	23
4.1. Những vấn đề chung về kiểm tra, đánh giá theo định hướng tiếp cận phẩm chất, năng lực	23
4.2. Một số gợi ý về hình thức và phương pháp kiểm tra, đánh giá năng lực trong môn Giáo dục công dân lớp 9	26
5. GIỚI THIỆU HỌC LIỆU BỔ TRỢ, HỌC LIỆU ĐIỆN TỬ, THIẾT BỊ GIÁO DỤC	33
5.1. Giới thiệu, hướng dẫn sử dụng sách giáo viên Giáo dục công dân 9	33
5.2. Giới thiệu, hướng dẫn sử dụng sách bổ trợ, sách tham khảo	34
5.3. Giới thiệu, hướng dẫn sử dụng, khai thác nguồn tài nguyên, học liệu điện tử, thiết bị dạy học	34
PHẦN II. HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG KẾ HOẠCH BÀI DẠY	37
1. THIẾT KẾ KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN	37
2. KẾ HOẠCH BÀI DẠY MINH HỌA	39

Phần một.

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

1. GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC CÔNG DÂN 2018

1.1. Vị trí và mục tiêu dạy học môn Giáo dục công dân

Trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 (gồm Chương trình tổng thể và Chương trình môn học), môn Giáo dục công dân (GDCC) được hợp thành từ ba môn học ở ba cấp học: Đạo đức (cấp Tiểu học), GDCC (cấp Trung học cơ sở) và Giáo dục kinh tế và pháp luật (cấp Trung học phổ thông).

Ở cấp Trung học cơ sở, môn GDCC giữ vai trò chủ đạo trong việc giúp học sinh (HS) tiếp cận hai mục tiêu nhằm hình thành, phát triển ý thức và các chuẩn mực thái độ, hành vi của người công dân, cụ thể là:

– Giúp HS có hiểu biết về những chuẩn mực đạo đức, pháp luật cơ bản cũng như giá trị, ý nghĩa của các chuẩn mực đó, khơi dậy lòng tự hào về truyền thống quê hương; biết bảo tồn di sản văn hoá; biết quan tâm, cảm thông và chia sẻ với người khác; rèn luyện tính tự giác, tích cực trong học tập và lao động; có thái độ đúng đắn, biết cách ứng xử trước các hiện tượng, sự kiện xảy ra trong cuộc sống; có trách nhiệm với bản thân, gia đình, nhà trường và xã hội cũng như môi trường sống xung quanh.

– Giúp HS có tri thức phổ thông, cơ bản về đạo đức, kĩ năng sống, kinh tế, pháp luật; đánh giá được thái độ, hành vi của bản thân và người khác; tự điều chỉnh và nhắc nhở, giúp đỡ bạn bè, người thân điều chỉnh thái độ, hành vi theo chuẩn mực đạo đức, pháp luật; thực hiện được các công việc để đạt mục tiêu, kế hoạch hoàn thiện, phát triển bản thân; biết cách thiết lập, duy trì mối quan hệ, hoà hợp với những người xung quanh, thích ứng với biến đổi xã hội và giải quyết được các vấn đề đơn giản trong đời sống của cá nhân, cộng đồng phù hợp với giá trị văn hoá, chuẩn mực đạo đức, quy tắc cộng đồng, quy định của pháp luật và lứa tuổi.

1.2. Yêu cầu cần đạt của môn Giáo dục công dân

Trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, môn GDCC một mặt là cùng các môn học, hoạt động giáo dục khác góp phần giúp HS hình thành, phát triển các phẩm chất (yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm) và các năng lực chung (tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo); mặt khác là tập trung giúp HS hình thành, phát triển các năng lực đặc thù của môn học (năng lực điều chỉnh hành vi, năng lực phát triển bản thân, năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội).

Ở cấp Trung học cơ sở, yêu cầu cần đạt về các năng lực đặc thù được chương trình môn học quy định như sau:

(1) *Năng lực điều chỉnh hành vi*

a) *Nhận thức chuẩn mực hành vi*

– Nhận biết được những chuẩn mực đạo đức, pháp luật phổ thông, cơ bản, phù hợp với lứa tuổi và giá trị, ý nghĩa của các chuẩn mực hành vi đó.

– Có kiến thức cơ bản về nhận thức, quản lí, tự bảo vệ bản thân và thích ứng với những thay đổi trong cuộc sống.

– Nhận thức được mục đích, nội dung, phương thức giao tiếp và hợp tác trong việc đáp ứng nhu cầu của bản thân và giải quyết các vấn đề học tập, sinh hoạt hằng ngày.

– Nhận biết được sự cần thiết phải tiết kiệm tiền; nguyên tắc quản lí tiền; cách lập kế hoạch chi tiêu và tiêu dùng thông minh.

b) Đánh giá hành vi của bản thân và người khác

– Đánh giá được tác dụng và tác hại của thái độ, hành vi đạo đức và pháp luật của bản thân và người khác trong học tập và sinh hoạt.

– Đồng tình, ủng hộ những thái độ, hành vi tích cực; phê phán, đấu tranh với những thái độ, hành vi tiêu cực về đạo đức và pháp luật.

– Đánh giá được bối cảnh giao tiếp, đặc điểm và thái độ của đối tượng giao tiếp khả năng của bản thân và nguyện vọng, khả năng của các thành viên trong nhóm hợp tác.

c) Điều chỉnh hành vi

– Tự thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và cuộc sống; phê phán những hành vi, thói quen sống dựa dẫm, ỷ lại.

– Tự điều chỉnh và nhắc nhở, giúp đỡ bạn bè, người thân điều chỉnh được cảm xúc, thái độ, hành vi phù hợp với chuẩn mực đạo đức, pháp luật và lứa tuổi; sống tự chủ, không đua đòi, ăn diện lãng phí, nghịch ngợm, không làm những việc xấu (bạo lực học đường, tệ nạn xã hội,...); biết rèn luyện, phát huy ưu điểm, khắc phục hạn chế của bản thân, hướng tới các giá trị tốt đẹp.

– Tự thực hiện và giúp đỡ bạn bè thực hiện được một số hoạt động cơ bản, cần thiết để nhận thức, phát triển, tự bảo vệ bản thân và thích ứng với thay đổi trong cuộc sống.

– Tiết kiệm tiền bạc, đồ dùng, thời gian, điện nước; bước đầu biết quản lí tiền, tạo nguồn thu nhập cá nhân và chi tiết hợp lí.

(2) Năng lực phát triển bản thân

a) Tự nhận thức bản thân

Tự nhận biết được sở thích, điểm mạnh, điểm yếu, giá trị, vị trí và các quan hệ xã hội của bản thân.

b) Lập kế hoạch phát triển bản thân

– Xác định được lí tưởng sống của bản thân; lập được mục tiêu, kế hoạch học tập và rèn luyện, kế hoạch chi tiêu cá nhân phù hợp theo hướng dẫn.

– Xác định được hướng phát triển phù hợp của bản thân với sự tư vấn của thầy, cô giáo và người thân.

c) Thực hiện kế hoạch phát triển bản thân

– Kiên trì hoàn thành mục tiêu, kế hoạch học tập và rèn luyện; tự thực hiện được các công việc, nhiệm vụ của bản thân trong học tập và sinh hoạt hằng ngày.

– Thực hiện được việc quản lí và chi tiêu hợp lí theo kế hoạch đã đề ra.

(3) Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế – xã hội

a) Tìm hiểu các hiện tượng kinh tế – xã hội

- Hiểu được một số kiến thức phổ thông, cơ bản về đạo đức, kĩ năng sống, kinh tế, pháp luật.
- Nhận biết được một số hiện tượng, sự kiện, vấn đề của đời sống xã hội liên quan đến đạo đức, pháp luật, kĩ năng sống và kinh tế phù hợp với lứa tuổi.
- Bước đầu biết cách thu thập, xử lí thông tin để tìm hiểu một số hiện tượng, sự kiện, vấn đề đạo đức, kĩ năng sống, pháp luật, kinh tế phù hợp với lứa tuổi.

b) Tham gia hoạt động kinh tế – xã hội

- Lựa chọn, đề xuất được cách giải quyết và tham gia giải quyết được các vấn đề thường gặp hoặc một số vấn đề về đạo đức, kĩ năng sống, pháp luật, kinh tế phù hợp với lứa tuổi trong những tình huống mới của cá nhân, gia đình, cộng đồng.
- Hình thành, duy trì được mối quan hệ hoà hợp với những người xung quanh và thích ứng được với xã hội biến đổi.
- Nêu được tình huống có vấn đề; hình thành được ý tưởng mới trong học tập và cuộc sống; có khả năng tham gia thảo luận, tranh luận về một số vấn đề đạo đức, kĩ năng sống, pháp luật, kinh tế phù hợp với lứa tuổi.
- Biết lắng nghe và phản hồi tích cực trong giao tiếp; đề xuất được phương án tổ chức, chủ động hoàn thành nhiệm vụ được giao; khiêm tốn học hỏi và giúp đỡ các thành viên khác cùng hoàn thành nhiệm vụ của nhóm trong hợp tác giải quyết các vấn đề học tập, lao động và hoạt động cộng đồng.

1.3. Nội dung giáo dục của môn Giáo dục công dân

Đối với cấp Trung học cơ sở, trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, môn GDCCD được quy định với nội dung giáo dục gồm:

- Giáo dục đạo đức: trọng tâm là các phẩm chất yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.
- Giáo dục kĩ năng sống: trọng tâm là các kĩ năng nhận thức, quản lí bản thân và tự bảo vệ.
- Giáo dục kinh tế: chủ yếu là hoạt động tiêu dùng, chi tiêu cá nhân.
- Giáo dục pháp luật: chủ yếu là quyền và nghĩa vụ công dân.

Trên cơ sở này, nội dung dạy học môn GDCCD lớp 9 được quy định qua 10 chủ đề cụ thể, bao gồm: Sống có lí tưởng; Khoan dung; Tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng; Khách quan và công bằng; Bảo vệ hoà bình; Quản lí thời gian hiệu quả; Thích ứng với thay đổi; Tiêu dùng thông minh; Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí; Quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế.

2. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ SÁCH GIÁO KHOA GIÁO DỤC CÔNG DÂN 9

2.1. Quan điểm tiếp cận, biên soạn

Theo tinh thần của *Nghị quyết số 88/2014/QH13* về đổi mới chương trình và sách giáo khoa (SGK) phổ thông, giáo dục chuyển từ chú trọng truyền thụ kiến thức sang giúp cho HS hình thành, phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực, SGK GDCCD 9 được biên soạn bám sát

các tiêu chuẩn SGK mới ban hành kèm theo *Thông tư số 33/2017/TT-BGDĐT* ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo như sau:

- Nội dung và hình thức SGK không trái với quy định của pháp luật Việt Nam và phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia về xuất bản phẩm.
- Nội dung và hình thức SGK không mang định kiến về sắc tộc, tôn giáo, nghề nghiệp, giới, lứa tuổi và địa vị xã hội.
- Nội dung SGK thể hiện đúng và đầy đủ nội dung của chương trình môn học hoặc hoạt động giáo dục; bảo đảm tính cơ bản, khoa học, thiết thực, phù hợp với thực tiễn Việt Nam.
- Các thuật ngữ, khái niệm, định nghĩa, số liệu, sự kiện, hình ảnh bảo đảm chính xác, khách quan, nhất quán và phù hợp với trình độ HS; các số liệu, sự kiện, hình ảnh có nguồn gốc rõ ràng.
- Các thành tựu khoa học mới liên quan đến chương trình môn học, hoạt động giáo dục được cập nhật, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế và phù hợp với mục tiêu của chương trình môn học, hoạt động giáo dục.
- Các bài học trong SGK tạo điều kiện cho GV vận dụng sáng tạo các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học lấy hoạt động học của HS làm trung tâm; tạo cơ hội và khuyến khích HS tích cực, chủ động, sáng tạo trong học tập, phát huy tiềm năng của mỗi HS.
- Các bài học trong SGK thể hiện đúng, đủ, rõ mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực của HS và yêu cầu về đánh giá kết quả giáo dục được quy định trong chương trình môn học, hoạt động giáo dục, làm cơ sở cho việc đánh giá chính xác kết quả giáo dục.
- Cấu trúc SGK có đủ các thành phần cơ bản sau: phần, chương hoặc chủ đề; bài học; giải thích thuật ngữ; mục lục.
- Cấu trúc bài học trong SGK bao gồm các thành phần cơ bản sau: mở đầu, kiến thức mới, luyện tập, vận dụng.

2.2. Giới thiệu, phân tích cấu trúc sách và cấu trúc bài học

2.2.1. Những điểm nổi bật của sách giáo khoa Giáo dục công dân lớp 9

SGK GDCC 9 của Bộ sách *Chân trời sáng tạo* được biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 có những điểm nổi bật sau đây:

- Các hoạt động theo ma trận bám sát mục tiêu, yêu cầu cần đạt nhưng vừa sức, phù hợp với đặc trưng của môn GDCC và nội dung cụ thể, yêu cầu cần đạt của môn GDCC lớp 9.
- Các ngữ liệu được thu thập thông qua các đề tài khoa học có liên quan, qua việc đánh giá, phân tích các bộ sách hiện có như: Đạo đức, Giáo dục lối sống, Rèn luyện kĩ năng sống, Giáo dục kinh tế, Giáo dục pháp luật để chọn lọc các ngữ liệu phù hợp, gần gũi và thiết thực.
- Sử dụng kĩ thuật chọn lọc các ngữ liệu thực tiễn từ cuộc sống thông qua các diễn đàn dành cho bố mẹ, GV với sự chặt lọc và điều chỉnh phù hợp; nguồn dữ liệu thực tiễn còn được thu thập thông qua kinh nghiệm của các GV (khai thác từ kênh Facebook, các diễn đàn,...): bình luận câu chuyện cho trẻ em và các nguồn tư liệu khác từ báo chí, các kênh học tập trực tuyến.
- Khai thác các ý tưởng phục vụ cho hoạt động cụ thể với các câu chuyện, tranh vẽ hay bộ tranh từ các tác giả theo hướng gần gũi, gần với đời sống của HS nhưng vẫn kết nối với các hoạt động và yêu cầu cần đạt.

– Sử dụng các hình thức thử nghiệm từng phần, thử nghiệm giả định các câu chuyện, các trò chơi, các bài tập, các tình huống ứng xử,... trên các nhóm HS thực nghiệm để có thể điều chỉnh các ngữ liệu phù hợp, tạo cảm xúc tích cực khi trình bày trong SGK.

– Thao tác hoá các mô hình kĩ năng, các kĩ năng thành phần ở các bài kĩ năng sống và khéo léo đưa ra các bước cần rèn luyện cụ thể sao cho phù hợp với lứa tuổi, bối cảnh khác nhau nhưng tuân thủ logic đường dẫn của ma trận về mục tiêu và yêu cầu cần đạt.

– Cân đối giữa kênh hình và kênh chữ trong việc thể hiện các chủ đề/ bài học, các hoạt động cụ thể trong từng đề tài/ bài học; kênh hình và chữ tuân thủ tuyệt đối các nguyên tắc đảm bảo bình đẳng giới, bình đẳng trong giáo dục, cân bằng về văn hoá địa phương, dân tộc, tôn trọng các quy định về thể hiện không gian văn hoá học đường, không vi phạm các vấn đề có liên quan về tư tưởng, chính trị, tôn giáo,...

2.2.2. Cấu trúc và nội dung sách giáo khoa Giáo dục công dân 9

2.2.2.1. Cấu trúc chung của sách giáo khoa Giáo dục công dân 9

Để quá trình tổ chức các hoạt động dạy học được thuận lợi, phù hợp với khả năng nhận thức, đặc điểm tâm sinh lí của HS và thời lượng tiết học ở cấp Trung học cơ sở, đồng thời đảm bảo thể hiện chính xác, đầy đủ, rõ ràng nội dung và mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực HS của chương trình, dựa trên 10 chủ đề trong chương trình, SGK GDCD 9 được chia thành 10 bài học. Cụ thể:

Bài 1: Sống có lí tưởng

Bài 2: Khoan dung

Bài 3: Tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng

Bài 4: Khách quan và công bằng

Bài 5: Bảo vệ hoà bình

Bài 6: Quản lí thời gian hiệu quả

Bài 7: Thích ứng với thay đổi

Bài 8: Tiêu dùng thông minh

Bài 9: Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí

Bài 10: Quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế

Như vậy, thời lượng dành cho các chủ đề/ bài học được phân bổ như sau:

Nội dung	Chủ đề	Tên bài học	Số tiết
GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC (35%) 12,5 tiết	Sống có lí tưởng	Sống có lí tưởng	2 tiết
	Khoan dung	Khoan dung	3 tiết
	Tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng	Tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng	3 tiết
	Khách quan và công bằng	Khách quan và công bằng	2,5 tiết
	Bảo vệ hoà bình	Bảo vệ hoà bình	2 tiết
– Luyện tập; Ôn tập; Tổng kết: 1 tiết – Kiểm tra đánh giá: 1 tiết			

Nội dung	Chủ đề	Tên bài học	Số tiết
GIÁO DỤC KỸ NĂNG SỐNG 20% (7 tiết)	Quản lý thời gian hiệu quả	Quản lý thời gian hiệu quả	4 tiết
	Thích ứng với thay đổi	Thích ứng với thay đổi	3 tiết
GIÁO DỤC KINH TẾ 10% (3,5 tiết)	Tiêu dùng thông minh	Tiêu dùng thông minh	3,5 tiết
GIÁO DỤC PHÁP LUẬT 25% (8,5 tiết)	Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý	Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý	4 tiết
	Quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế	Quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế	4,5 tiết
– Luyện tập; Ôn tập; Tổng kết: 1 tiết – Kiểm tra đánh giá: 1 tiết			
Tổng số tiết: 35 tiết; Lên lớp bài dạy: 31 tiết; Luyện tập; Ôn tập; Tổng kết: 2 tiết; Kiểm tra, đánh giá: 2 tiết			

Theo cách thiết kế trên, cấu trúc nội dung và phân bổ thời lượng dạy học trong SGK *GD CD 9* đảm bảo đáp ứng yêu cầu theo quy định của chương trình môn học. Tuy nhiên, đây chỉ là cấu trúc và phân bổ mang tính định hướng, do đó, khi thực hiện, GV có thể căn cứ vào yêu cầu cần đạt đã quy định trong chương trình và năng lực thực sự của HS, cũng như thực tế dạy học ở mỗi lớp để chủ động thiết kế kế hoạch dạy học, sắp xếp nội dung và phân bổ thời lượng một cách thích hợp với sự đồng thuận của GV bộ môn và Ban Giám hiệu nhà trường.

2.2.2.2. Cấu trúc bài học và các hoạt động dạy học môn Giáo dục công dân lớp 9

Dựa trên cơ sở Quy định tiêu chuẩn, quy trình biên soạn, chỉnh sửa SGK; tiêu chuẩn tổ chức, cá nhân biên soạn SGK; tổ chức và hoạt động của Hội đồng quốc gia thẩm định SGK (sau đây viết gọn là Quy định tiêu chuẩn, quy trình biên soạn, chỉnh sửa SGK): “Cấu trúc bài học trong SGK bao gồm các thành phần cơ bản sau: mở đầu, kiến thức mới, luyện tập, vận dụng” (mục 2, Điều 7); bài học trong SGK *GD CD 9* bao gồm 4 thành phần cơ bản: Mở đầu, Khám phá, Luyện tập và Vận dụng.

– Giai đoạn Mở đầu:

+ GV tổ chức hoạt động khởi tạo cảm xúc, yêu cầu HS huy động kinh nghiệm, kiến thức, kĩ năng để bộc lộ cảm xúc và hiểu biết về những vấn đề liên quan đến chủ đề/ bài học. Nghiên cứu khoa học và thực tiễn cho thấy, hoạt động giáo dục nếu gắn liền với những cảm xúc tích cực thì mới đạt hiệu quả cao.

+ Câu hỏi đặt ra cho HS trong giai đoạn này hướng tới việc khai thác, khơi dậy cảm xúc, hiểu biết của các em như: em rút ra được điều gì?; em liên hệ đến điều gì hay em cảm thấy như thế nào?;...

– Giai đoạn Khám phá:

+ GV tổ chức hoạt động tìm hiểu, khám phá kiến thức, kĩ năng, từng bước yêu cầu HS đưa ra ý kiến, phán đoán, nhận xét về hành động có thể xảy ra trong các tình huống và quyết định hành động nào là phù hợp. Từ đó, HS hình thành được phẩm chất, năng lực cụ thể gắn với yêu cầu cần đạt ở từng đề tài.

+ Những câu hỏi, yêu cầu thường đặt ra ở giai đoạn này là: em hãy chỉ ra những biểu hiện; theo em cách xử lí nào là phù hợp; em hãy xác định quy trình phù hợp; em nên làm gì?...

– Giai đoạn Luyện tập:

+ Trên cơ sở nhận thức rõ được biểu hiện, nguyên nhân, quy trình, cách thức thực hiện, GV tổ chức cho HS vận dụng kinh nghiệm, kiến thức, kĩ năng đã được kiến tạo ở hoạt động trước vào các tình huống, hoàn cảnh cụ thể để xác định được hành động phù hợp. Hoạt động luyện tập cần thể hiện được động cơ tích cực từ bên trong của HS để giải quyết những vấn đề cụ thể gắn với yêu cầu về phẩm chất, năng lực theo từng đề tài, chủ đề.

+ GV tổ chức cho HS thực hành, luyện tập, lựa chọn hành vi ứng xử phù hợp với những tình huống có thực hoặc giả định.

– Giai đoạn Vận dụng:

GV tổ chức cho HS thực hiện các hành động bằng cách vận dụng các kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết các tình huống trong thực tiễn (bao gồm cả việc rèn luyện sau giờ học). Hoạt động này giúp HS hình thành, rèn luyện thói quen thực hiện hành vi tích cực, phù hợp với quy định của pháp luật và chuẩn mực trong cuộc sống hằng ngày.

2.2.2.3. Ma trận chung chủ đề/ bài học – Yêu cầu cần đạt

YCCĐ Chủ đề/ bài học	1	2	3	4	5
Bài 1. Sống có lí tưởng	Nêu được khái niệm sống có lí tưởng.	Giải thích được ý nghĩa của việc sống có lí tưởng.	Nhận biết được lí tưởng sống của thanh niên Việt Nam.	Xác định được lí tưởng sống của bản thân và nỗ lực học tập, rèn luyện theo lí tưởng.	
Bài 2. Khoan dung	Nêu được khái niệm khoan dung và biểu hiện của khoan dung.	Nhận biết được giá trị của khoan dung.	Thực hiện được những việc làm thể hiện sự khoan dung trong những tình huống cụ thể, phù hợp với lứa tuổi.	Phê phán các biểu hiện thiếu khoan dung.	

YCCĐ Chủ đề/ bài học	1	2	3	4	5
Bài 3. Tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng	Hiểu được thế nào là hoạt động cộng đồng; nêu được một số hoạt động cộng đồng.	Giải thích được sự cần thiết phải tham gia các hoạt động cộng đồng.	Nhận biết được trách nhiệm của học sinh trong việc tham gia vào các hoạt động cộng đồng.	Tham gia tích cực, tự giác các hoạt động chung của cộng đồng phù hợp với lứa tuổi do lớp, trường, địa phương tổ chức.	Phê phán biểu hiện thờ ơ, thiếu trách nhiệm với các hoạt động cộng đồng.
Bài 4. Khách quan và công bằng	Nhận biết được những biểu hiện khách quan, công bằng.	Hiểu được ý nghĩa của khách quan, công bằng; tác hại của sự thiếu khách quan, công bằng.	Thể hiện được thái độ khách quan, công bằng trong cuộc sống hằng ngày.	Phê phán những biểu hiện không khách quan, công bằng.	
Bài 5. Bảo vệ hoà bình	Nêu được thế nào là hoà bình và bảo vệ hoà bình; các biểu hiện của hoà bình.	Giải thích được vì sao cần phải bảo vệ hoà bình.	Nhận ra được những biện pháp để thúc đẩy và bảo vệ hoà bình.	Biết lựa chọn và tham gia những hoạt động phù hợp để bảo vệ hoà bình.	Phê phán xung đột sắc tộc và chiến tranh phi nghĩa.
Bài 6. Quản lí thời gian hiệu quả	Hiểu được thế nào là quản lí thời gian hiệu quả.	Nhận biết được sự cần thiết phải quản lí thời gian hiệu quả.	Nêu được cách quản lí thời gian hiệu quả.	Thực hiện được kĩ năng quản lí thời gian hiệu quả.	
Bài 7. Thích ứng với thay đổi	Nêu được một số thay đổi có khả năng xảy ra trong cuộc sống của bản thân và gia đình.	Nhận biết được ý nghĩa của việc thích ứng trước những thay đổi trong cuộc sống.	Nêu được các biện pháp để thích ứng với thay đổi trong cuộc sống.	Thích ứng được với một số thay đổi (nếu có) trong cuộc sống của bản thân.	

YCCĐ Chủ đề/ bài học	1	2	3	4	5
Bài 8. Tiêu dùng thông minh	Nhận biết được thế nào là tiêu dùng thông minh; lợi ích của tiêu dùng thông minh.	Đánh giá được các hành vi tiêu dùng thông minh và kém thông minh.	Nêu được các cách tiêu dùng thông minh (nắm bắt thông tin về sản phẩm, sử dụng sản phẩm an toàn, nhận biết những hình thức quảng cáo khác nhau, xác định p h ư ơ n g thức thanh toán,...).	Thực hiện được hành vi tiêu dùng thông minh trong một số tình huống cụ thể.	Khích lệ, giúp đỡ người thân, bạn bè trở thành người tiêu dùng thông minh.
Bài 9. Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí	Nêu được khái niệm vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí; các loại vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí.	Nêu được ý nghĩa của trách nhiệm pháp lí.	Phân tích, đánh giá được các hành vi vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí trong một số tình huống cụ thể.	Nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật; tích cực ngăn ngừa và đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật.	
Bài 10. Quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế	Nêu được quy định cơ bản của pháp luật về quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế.	Phân tích, đánh giá được hậu quả của hành vi vi phạm pháp luật về quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế.	Nhận biết được trách nhiệm công dân trong việc thực hiện quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế.	Vận động gia đình, người thân thực hiện tốt quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế.	

2.3. Cấu trúc mỗi chủ đề/ bài học theo các mạch kiến thức

Ở cấp Trung học cơ sở, Chương trình Giáo dục phổ thông môn GD&CD quy định nội dung giáo dục gồm:

- Giáo dục đạo đức: trọng tâm là các phẩm chất yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.
- Giáo dục kỹ năng sống: trọng tâm là kỹ năng nhận thức, quản lý bản thân và tự bảo vệ.
- Giáo dục kinh tế: chủ yếu là hoạt động tiêu dùng.
- Giáo dục pháp luật: chủ yếu là quyền và nghĩa vụ công dân.

Trên cơ sở này, nội dung dạy học môn GD&CD lớp 9 được xây dựng dựa trên 10 chủ đề tương ứng với 10 bài học theo các mạch nội dung được phân bổ như sau:

STT	Mạch nội dung	Tên chủ đề	STT	Tên đề tài/ bài học
1	Giáo dục đạo đức	Sống có lí tưởng	1	Sống có lí tưởng
2		Khoan dung	2	Khoan dung
3		Tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng	3	Tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng
4		Khách quan và công bằng	4	Khách quan và công bằng
5		Bảo vệ hoà bình	5	Bảo vệ hoà bình
6	Giáo dục kỹ năng sống	Quản lý thời gian hiệu quả	6	Quản lý thời gian hiệu quả
7		Thích ứng với thay đổi	7	Thích ứng với thay đổi
8	Giáo dục kinh tế	Tiêu dùng thông minh	8	Tiêu dùng thông minh
9	Giáo dục pháp luật	Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí	9	Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí
10		Quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế	10	Quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế

Trong nội dung mỗi chủ đề/ bài học, dựa theo cơ sở Quy định tiêu chuẩn, quy trình biên soạn, chỉnh sửa SGK, cấu trúc bài học trong SGK GD&CD 9 được xây dựng bao gồm các thành phần cơ bản: Mở đầu, Khám phá, Luyện tập, Vận dụng. Trong đó:

- Mở đầu: là hoạt động nhằm kích hoạt vốn kiến thức, kỹ năng đã có của HS, tạo tâm thế, hứng thú để chuẩn bị bước vào bài học, tiếp nhận kiến thức và kỹ năng mới.
- Khám phá: là hoạt động giúp HS tự nhận thức, tự chiếm lĩnh kiến thức mới hoặc hình thành nhận thức mới đúng hơn, tốt hơn, chính xác hơn về một vấn đề thông qua hệ thống các câu hỏi/ giải pháp/ tình huống phù hợp với nội dung và mức độ yêu cầu cần đạt đã được quy định trong chương trình.
- Luyện tập: là hoạt động giúp HS củng cố, mở rộng, phát triển kiến thức, nhận thức vừa khám phá và rèn luyện kỹ năng xử lý tình huống phù hợp với nội dung và mức độ yêu cầu cần đạt đã được quy định trong chương trình.

– Vận dụng: là hoạt động giúp HS bước đầu vận dụng kiến thức, kĩ năng đã khám phá và luyện tập để giải quyết một số vấn đề trong thực tế gia đình, nhà trường và xã hội phù hợp với nội dung và mức độ yêu cầu cần đạt đã được quy định trong chương trình.

2.4. Minh họa chủ đề/ bài học đặc trưng cho những điểm mới của sách

SGK *GDCD 9* được trình bày trực quan, sinh động, kết hợp hài hoà giữa kênh hình và kênh chữ một cách khoa học và logic, phù hợp với đặc điểm tâm sinh lí của HS lớp 9. Cách trình bày được cụ thể trong những phần sau:

– Kênh chữ: Được sử dụng để mô tả kiến thức và cách thức thực hiện ở từng nội dung bài học bằng văn phong ngắn gọn, từ ngữ dễ hiểu, dễ thực hiện, khơi gợi ý thức tự học, tự tìm hiểu của HS.

– Kênh hình: Sử dụng các hình ảnh rõ nét, sinh động giúp HS dễ quan sát, liên tưởng và thực hiện theo; gợi ý cho HS có thể trải nghiệm và tổ chức nhiều hoạt động thực hành, vận dụng khác nhau. Bên cạnh đó, kênh hình cũng tạo điều kiện thuận lợi cho GV định hình và có sự chuẩn bị tốt nhất cho việc tổ chức các hoạt động thu hút HS.

Sự kết hợp hài hoà giữa kênh chữ và kênh hình còn mang đến sự gần gũi và tiếp cận với xu hướng phát triển trong biên soạn SGK hiện nay. Kiến thức được minh họa bằng hình ảnh và những ghi chú ngắn gọn đem đến sự hấp dẫn cho HS, mỗi lần đọc, HS như được thực hiện thêm một lần bài tập; góp phần dẫn dắt, tạo ra sự tò mò và trí tưởng tượng của HS mỗi khi sử dụng sách.

Bên cạnh đó, SGK *GDCD 9* được xây dựng theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 có những điểm mới, nổi bật về mặt hình thức lẫn nội dung như:

– Không tiếp cận nội dung, nêu đề mục, tầm chương trích cú mà tiếp cận theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh gắn với các pha và từng hoạt động cụ thể.

– Sử dụng kĩ thuật chọn lọc các ngữ liệu từ thực tiễn cuộc sống thông qua các diễn đàn dành cho bố mẹ, GV, mạng xã hội, các kênh học trực tuyến,... với sự chặt lọc và điều chỉnh phù hợp. Đặc biệt, phát huy vai trò của các tác giả đồng thời là GV đang dạy môn *GDCD* tại trường Trung học cơ sở để thu thập những thông tin, ngữ liệu sát thực với đời sống học đường.

– Khai thác các ý tưởng phục vụ cho hoạt động cụ thể với các câu chuyện, tranh vẽ hay bộ tranh từ các tác giả theo hướng gần gũi, gắn với đời sống của học sinh nhưng vẫn đảm bảo sự kết nối với các hoạt động và yêu cầu cần đạt.

– Thao tác hoá các mô hình kĩ năng, các kĩ năng thành phần ở các bài kĩ năng sống và khéo léo đưa ra các bước cần rèn luyện cụ thể sao cho phù hợp với lứa tuổi, bối cảnh khác nhau nhưng tuân thủ logic đường dẫn của ma trận về mục tiêu và yêu cầu cần đạt.

– Mở rộng không gian và thời gian học theo phương châm học mọi lúc, mọi nơi và học tập suốt đời nên có những hoạt động vận dụng yêu cầu học sinh thực hiện ngoài thời gian tiết học và ngoài không gian lớp học, có thể kết hợp với bạn bè, người thân cùng thực hiện nhằm đạt được những phẩm chất, năng lực cần thiết.

– Không nêu nhiều nội dung và yêu cầu HS phải ghi nhớ, thuộc lòng mà có sự chặt lọc những nội dung trọng tâm, xem nội dung chỉ là phương tiện để học sinh đạt được các phẩm chất, năng lực gắn với yêu cầu cần đạt của từng chủ đề.

Bài 1

Sống có lí tưởng



Mục tiêu:

- Nếu được khái niệm sống có lí tưởng.
- Giải thích được ý nghĩa của việc sống có lí tưởng.
- Nhận biết được lí tưởng sống của thanh niên Việt Nam.
- Xác định được lí tưởng sống của bản thân và nỗ lực học tập, rèn luyện theo lí tưởng.



MỞ ĐẦU

Trong cuộc sống, chúng ta luôn hướng đến những điều tốt đẹp, không chỉ cho bản thân mà còn cho cộng đồng và xã hội. Nhờ đó, chúng ta sẽ có thêm động lực, sức mạnh để vượt qua khó khăn, thách thức và nỗ lực không ngừng cho những mục tiêu cao đẹp.

Em hãy đọc lời bài hát sau và cho biết những ca từ nào thể hiện mục đích sống cao đẹp. Vì sao?



SỐNG NHƯ NHỮNG ĐOÀ HOA

[...] Và tôi sống như đoà hoa này, toả ngát hương thơm cho đời.

Sống với nỗi khát khao rằng được hiến dâng cho cuộc đời.

Hôm nay đầu có gian nan thì ngày mai là ngày tươi sáng hơn.

Tôi sẽ viết nên câu chuyện của cuộc đời riêng tôi.

Có loài hoa ở trên đồng xanh, cũng có loài hoa khoe sắc trên cành.

Mỗi loài hoa mỗi sắc hương.

Không là hoa của những buồn lo, tôi là hoa của những nụ cười.

Cuộc sống của tôi yêu biết bao [...]

(Nhạc và lời: Tạ Quang Thắng)

5



KHÁM PHÁ

1. Em hãy đọc các thông tin sau và quan sát hình ảnh để thực hiện yêu cầu

Thông tin 1.

"Cái quý nhất của con người ta là sự sống. Đời người chỉ sống có một lần. Phải sống sao cho khỏi xót xa, ân hận vì những năm tháng đã sống hoài, sống phí... để khi nhắm mắt xuôi tay, ta có thể nói rằng: tất cả đời ta, tất cả sức ta, ta đã hiến dâng cho sự nghiệp cao đẹp nhất trên đời, sự nghiệp đấu tranh giải phóng loài người...".

(Nikolai Ostrovsky (Huy Văn - Thép Mới dịch), 2009, *Thép đã tôi thế đấy*, NXB Văn học, Hà Nội, trang 299)

Thông tin 2.

"Tuổi xuân của mình đã qua đi trong lửa khói, chiến tranh đã cướp mất hạnh phúc trong tình yêu và tuổi trẻ. Ai lại không tha thiết với mùa xuân, ai lại không muốn cái sáng ngời trong đôi mắt và trên đôi môi càng mong khi cuộc đời còn ở tuổi hai mươi? Nhưng... tuổi hai mươi của thời đại này đã phải dẹp lại những ước mơ hạnh phúc mà lẽ ra họ phải có..."

Ước mơ bây giờ là đánh thắng giặc Mỹ, là độc lập, tự do của đất nước. Mình cũng như những thanh niên khác đã lên đường ra tiền tuyến và tuổi trẻ qua đi giữa tiếng bom rơi, đạn nổ. Tuổi trẻ của mình đã thấm đượm mồ hôi, nước mắt, máu xương của những người đang sống và những người đã chết. Tuổi trẻ của mình đã cũng cấp trong thử thách, gian lao của chiến trường, tuổi trẻ của mình cũng đã nóng rực vì ngọn lửa căm thù đang ngày đêm hun đốt. Và gì nữa, phải chăng mùa xuân của tuổi trẻ cũng vẫn thấm đượm thêm vì màu sắc của mơ ước và yêu thương vẫn ánh lên trong những đôi mắt nhìn mình. Một đôi mắt đen thẳm quầng vì thức đêm nhưng bao giờ đến với mình cũng là niềm vui và soi nổi... Hãy vui đi, hãy giữ trọn trong lòng niềm mơ ước và để màu xanh của tuổi trẻ ngời rạng mãi trong đôi mắt và nụ cười nghe Thuý!".

(Dặng Thuý Trâm, 2016, *Nhật kí Đặng Thuý Trâm*, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, trang 202 – 203)

6



Tranh của họa sĩ Phạm Cao Thái Bảo vẽ ba chiến sĩ Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy đã anh dũng hi sinh trong cuộc chiến với "giặc lửa" để cứu sống tâm nạn nhân trong vụ hỏa hoạn ở số nhà 231 Quan Hoa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội vào chiều ngày 01/8/2022.

Em cần biết

Theo *Từ điển Tiếng Việt*, 2003, Hoàng Phê (Chủ biên), lí tưởng là mục đích cao nhất, tốt đẹp nhất mà người ta phấn đấu để đạt tới.

- Em hãy nêu mục đích sống của nhân vật trong các thông tin trên.
- Em hãy đặt tên cho bức tranh của họa sĩ Phạm Cao Thái Bảo và viết lời bình.
- Em hãy xác định điểm chung về mục đích sống của nhân vật trong các thông tin, hình ảnh và cho biết thế nào là sống có lí tưởng, ý nghĩa của sống có lí tưởng.

2. Em hãy đọc các thông tin sau và thực hiện yêu cầu

Thông tin 1.

Trong bài nói chuyện tại buổi lễ khai mạc Trường Đại học Nhân dân Việt Nam, ngày 19/01/1955, Bác Hồ có căn dặn:

"[...] Nhiệm vụ của thanh niên không phải là hỏi nước nhà đã cho mình những gì. Mà phải tự hỏi mình đã làm gì cho nước nhà? Mình phải làm thế nào cho ích lợi nước nhà nhiều hơn? Mình đã vì lợi ích nước nhà mà hi sinh phấn đấu chừng nào?"

Thanh niên cần phải có tinh thần và gan dạ sáng tạo, cần phải có chí khí hàng hải và tinh thần tiến lên, vượt mọi khó khăn, gian khổ để tiến mãi không ngừng. Cần phải trung thành, thật thà, chính trực".

(Hồ Chí Minh toàn tập, tập 9, 2011, NXB Chính trị Quốc gia – Sự thật, Hà Nội, trang 265)

7

Thông tin 2.

Trích Điều lệ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh

Điều 2. Đoàn viên có nhiệm vụ:

1. Luôn luôn phấn đấu vì lí tưởng của Đảng và Bác Hồ. Tích cực học tập, lao động, rèn luyện, tham gia các hoạt động xã hội, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.
2. Gương mẫu chấp hành và vận động thanh thiếu nhi thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước. Tham gia xây dựng, bảo vệ Đảng, chính quyền và các đoàn thể nhân dân. Chấp hành Điều lệ Đoàn và các nghị quyết của Đoàn; tích cực tuyên truyền về tổ chức Đoàn trong thanh niên; sinh hoạt Đoàn và đóng đoàn phí đúng quy định.



- Dựa vào các thông tin trên, em hãy xác định vai trò, nhiệm vụ của thanh niên Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.
- Dựa vào nhiệm vụ của thanh niên Việt Nam trong giai đoạn hiện nay, em hãy xác định những nhiệm vụ, việc làm của bản thân trong học tập và cuộc sống.



– Sống có lí tưởng là xác định được mục đích cao đẹp, kế hoạch hành động của bản thân và phấn đấu để đạt được mục đích đó nhằm đóng góp cho lợi ích của cộng đồng, quốc gia, nhân loại.

– Sống có lí tưởng tạo ra động lực thúc đẩy hoàn thành mục tiêu cá nhân; góp phần thúc đẩy xã hội ngày càng phát triển; xây dựng đất nước giàu mạnh và đóng góp tích cực cho nhân loại.

– Một số lí tưởng sống của thanh niên Việt Nam: phấn đấu vì lí tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; tích cực học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; nỗ lực rèn luyện sức khỏe, học tập để trở thành người có năng lực, bản lĩnh và người công dân tốt; tích cực tham gia vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

– Mỗi học sinh cần xác định được lí tưởng sống của bản thân và luôn tích cực học tập, rèn luyện sức khỏe, dành thời gian tham gia các hoạt động xã hội để hiện thực hoá lí tưởng, đóng góp cho sự phát triển của cộng đồng, quốc gia và nhân loại.

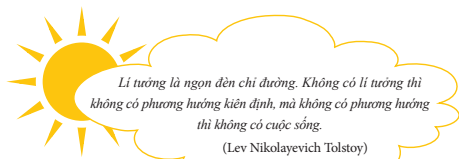
8

LUYỆN TẬP

1. Em đồng tình hay không đồng tình với những ý kiến nào dưới đây? Vì sao?

- Sống có lí tưởng là biết xác định mục đích của bản thân và có hướng phấn đấu để thực hiện mục đích đó.
- Cho dù ở giai đoạn lịch sử nào thì lí tưởng của thanh niên cũng giống nhau.
- Sống có lí tưởng là cảm thấy hạnh phúc khi làm điều có ích cho cộng đồng, quốc gia và nhân loại.
- Sống có lí tưởng là sống vì bản thân mình trước rồi mới quan tâm đến lợi ích của người khác và xã hội.

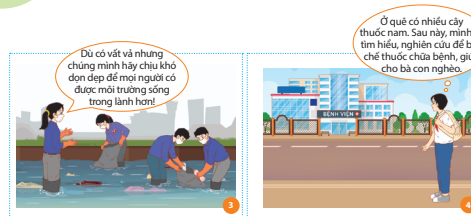
2. Em hãy đọc câu nói sau và xây dựng bài thuyết trình về ý nghĩa của việc sống có lí tưởng. Từ đó, rút ra bài học cho bản thân.



3. Em hãy quan sát các hình ảnh dưới đây để phân tích suy nghĩ, việc làm của các nhân vật và rút ra bài học cho bản thân.



9



4. Dựa vào những nhiệm vụ của bản thân trong học tập và trong cuộc sống đã xác định ở hoạt động khám phá, em hãy lập kế hoạch để thực hiện những nhiệm vụ đó.

Gợi ý:

- Cấu trúc của kế hoạch gồm các mục:
- Mục đích, yêu cầu;
- Nội dung thực hiện;
- Phương pháp thực hiện;
- Thời gian thực hiện;
- Tiêu chí đánh giá kết quả;
- Phương pháp thực hiện cần mang tính cụ thể, khả thi.

VẬN DỤNG

1. Em hãy sưu tầm một câu chuyện về tấm gương, nhân vật sống có lí tưởng. Từ câu chuyện đó, viết một đoạn văn nói về ý nghĩa của việc sống có lí tưởng và rút ra bài học cho bản thân.

2. Em hãy thực hiện kế hoạch về lí tưởng sống của bản thân và chia sẻ với các bạn về kết quả đạt được. Từ đó, rút ra những ưu điểm, hạn chế và điều chỉnh để tiếp tục thực hiện.

10

2.5. Gợi ý khung kế hoạch dạy học (phân phối chương trình)

STT	Bài học	Số tiết	Yêu cầu cần đạt
1	Bài 1. Sống có lí tưởng	2	- Nêu được khái niệm sống có lí tưởng. - Giải thích được ý nghĩa của việc sống có lí tưởng. - Nhận biết được lí tưởng sống của thanh niên Việt Nam. - Xác định được lí tưởng sống của bản thân và nỗ lực học tập, rèn luyện theo lí tưởng.
2	Bài 2. Khoan dung	3	- Nêu được khái niệm khoan dung và biểu hiện của khoan dung. - Nhận biết được giá trị của khoan dung. - Thực hiện được những việc làm thể hiện sự khoan dung trong những tình huống cụ thể, phù hợp với lứa tuổi. - Phê phán các biểu hiện thiếu khoan dung.
3	Bài 3. Tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng	3	- Hiểu được thế nào là hoạt động cộng đồng; nêu được một số hoạt động cộng đồng. - Giải thích được sự cần thiết phải tham gia các hoạt động cộng đồng. - Nhận biết được trách nhiệm của học sinh trong việc tham gia vào các hoạt động cộng đồng. - Tham gia tích cực, tự giác các hoạt động chung của cộng đồng phù hợp với lứa tuổi do lớp, trường, địa phương tổ chức. - Phê phán biểu hiện thờ ơ, thiếu trách nhiệm với các hoạt động cộng đồng.

STT	Bài học	Số tiết	Yêu cầu cần đạt
4	Bài 4. Khách quan và công bằng	2,5	– Nhận biết được những biểu hiện khách quan, công bằng. – Hiểu được ý nghĩa của khách quan, công bằng; tác hại của sự thiếu khách quan, công bằng. – Thể hiện được thái độ khách quan, công bằng trong cuộc sống hằng ngày. – Phê phán những biểu hiện không khách quan, công bằng.
5	Bài 5. Bảo vệ hoà bình	2	– Nêu được thế nào là hoà bình và bảo vệ hoà bình; các biểu hiện của hoà bình. – Giải thích được vì sao cần phải bảo vệ hoà bình. – Nhận ra được những biện pháp để thúc đẩy và bảo vệ hoà bình. – Biết lựa chọn và tham gia những hoạt động phù hợp để bảo vệ hoà bình. – Phê phán xung đột sắc tộc và chiến tranh phi nghĩa.
6	Bài 6. Quản lý thời gian hiệu quả	4	– Hiểu được thế nào là quản lý thời gian hiệu quả. – Nhận biết được sự cần thiết phải quản lý thời gian hiệu quả. – Nêu được cách quản lý thời gian hiệu quả. – Thực hiện được kỹ năng quản lý thời gian hiệu quả.
7	Bài 7. Thích ứng với thay đổi	3	– Nêu được một số thay đổi có khả năng xảy ra trong cuộc sống của bản thân và gia đình. – Nhận biết được ý nghĩa của việc thích ứng trước những thay đổi trong cuộc sống. – Nêu được các biện pháp để thích ứng với thay đổi trong cuộc sống. – Thích ứng được với một số thay đổi (nếu có) trong cuộc sống của bản thân.
8	Bài 8. Tiêu dùng thông minh	3,5	– Nhận biết được thế nào là tiêu dùng thông minh; lợi ích của tiêu dùng thông minh. – Đánh giá được các hành vi tiêu dùng thông minh và kém thông minh. – Nêu được các cách tiêu dùng thông minh (nắm bắt thông tin về sản phẩm, sử dụng sản phẩm an toàn, nhận biết những hình thức quảng cáo khác nhau, xác định phương thức thanh toán,...). – Thực hiện được hành vi tiêu dùng thông minh trong một số tình huống cụ thể. – Khích lệ, giúp đỡ người thân, bạn bè trở thành người tiêu dùng thông minh.

STT	Bài học	Số tiết	Yêu cầu cần đạt
9	Bài 9. Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí	4	– Nêu được khái niệm vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí; các loại vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí. – Nêu được ý nghĩa của trách nhiệm pháp lí. – Phân tích, đánh giá được các hành vi vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí trong một số tình huống cụ thể. – Nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật; tích cực ngăn ngừa và đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật.
10	Bài 10. Quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế	4,5	– Nêu được quy định cơ bản của pháp luật về quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế. – Phân tích, đánh giá được hậu quả của hành vi vi phạm pháp luật về quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế. – Nhận biết được trách nhiệm công dân trong việc thực hiện quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế. – Vận động gia đình, người thân thực hiện tốt quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế.

3. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC/TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN LỚP 9

3.1. Những yêu cầu cơ bản về phương pháp dạy học môn Giáo dục công dân

Chương trình Giáo dục phổ thông môn GD CD đã giới thiệu một cách khái quát bốn nguyên tắc giáo dục phù hợp với đặc trưng môn học, đó là:

– Chú trọng tổ chức, hướng dẫn các hoạt động để HS khám phá, phân tích, khai thác thông tin, xử lí tình huống thực tiễn, trường hợp điển hình; tăng cường sử dụng các thông tin, tình huống, trường hợp của thực tế cuộc sống xung quanh, gần gũi với đời sống HS trong việc phân tích, đối chiếu, minh hoạ để các bài học vừa có sức hấp dẫn, vừa nhẹ nhàng, hiệu quả; coi trọng tổ chức các hoạt động trải nghiệm để HS tự phát hiện và chiếm lĩnh kiến thức mới, phát triển kĩ năng và thái độ tích cực trong môn GD CD, trên cơ sở đó, giúp hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực của người công dân tương lai.

Đối với Chương trình môn GD CD lớp 9, HS được khám phá các chủ đề về sống có lí tưởng; khoan dung; tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng; khách quan và công bằng; bảo vệ hoà bình; quản lí thời gian hiệu quả; thích ứng với thay đổi; tiêu dùng thông minh; vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí; quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế.

– Kết hợp sử dụng các phương pháp dạy học truyền thống với các phương pháp dạy học hiện đại theo hướng tích cực hoá hoạt động của người học; tăng cường sử dụng các phương pháp dạy học đặc thù của môn GD CD như: giải quyết vấn đề, phân tích trường hợp điển hình kết hợp nêu gương, trải nghiệm, xử lí tình huống, thảo luận nhóm, đóng vai, dự án, thực hành,...

– Kết hợp các hình thức dạy học theo hướng linh hoạt, phù hợp, hiệu quả: dạy học theo lớp, theo nhóm và cá nhân; dạy học ở trong lớp và ở ngoài lớp, ngoài khuôn viên nhà trường; tăng cường thực hành, rèn luyện kĩ năng trong các tình huống cụ thể của đời sống; tích cực sử

dụng các phương tiện dạy học hiện đại nhằm đa dạng, cập nhật thông tin, tạo hứng thú cho HS khi triển khai môn GD CD.

– Phối hợp giáo dục trong nhà trường với giáo dục ở gia đình và xã hội khi tổ chức dạy học môn GD CD. Có những hoạt động, đặc biệt là hoạt động vận dụng sẽ được HS thực hiện, áp dụng tại nhà. Do vậy, cần có sự phối hợp với phụ huynh trong việc động viên, khuyến khích con thực hiện và đánh giá kết quả.

Từ những nguyên tắc trên, GV có thể nhận thức rõ hơn về phương pháp dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học thông qua môn GD CD với các yêu cầu sau đây:

Thứ nhất, thay cho cách tiếp cận “HS biết cái gì từ những điều đã học?”, Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 chú trọng đến mục tiêu là “HS làm gì, làm thế nào từ những điều đã học?”. Do vậy, tinh thần của dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực được vận dụng trong môn GD CD là phát huy tối đa tiềm năng của mỗi cá nhân HS, giúp HS tự tìm tòi, khám phá tri thức dựa trên khả năng, sở thích và mối quan tâm riêng của mình, giúp HS làm chủ tri thức và vận dụng kiến thức vào thực tế cuộc sống, thúc đẩy tư duy sáng tạo, phản biện và khả năng giải quyết vấn đề, nhấn mạnh đến các tình huống thực tế cuộc sống và thông qua kĩ năng giải quyết các tình huống đó, tạo điều kiện để HS có thể rút ra kinh nghiệm và kiến tạo tri thức môn GD CD cho riêng mình;...

Thứ hai, những yêu cầu cơ bản đối với phương pháp dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực ứng dụng trong môn GD CD là:

– Quá trình dạy học môn GD CD được tổ chức thành các hoạt động học tập trên cơ sở phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động của người học, từ đó, giúp HS tự khám phá những điều chưa biết chứ không phải thụ động tiếp thu những tri thức được sắp đặt sẵn.

– Trong quá trình dạy học môn GD CD, GV tổ chức hướng dẫn để HS biết huy động tổng hợp kiến thức, kĩ năng thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau chứ không phải chỉ biết kiến thức, kĩ năng chuyên biệt của môn học.

– Mục tiêu dạy học của môn GD CD là nhằm giải quyết các nhiệm vụ học tập; tạo điều kiện để HS biết vận dụng sáng tạo, linh hoạt những kiến thức, kĩ năng mới. Qua đó, phát triển được những năng lực cần thiết trong học tập và trong thực tiễn cuộc sống, đây cũng chính là hướng đến chuẩn đầu ra yêu cầu cần đạt một cách chặt chẽ và khoa học.

Thứ ba, để đáp ứng những yêu cầu cơ bản trên, bản chất của đổi mới phương pháp dạy học trong việc dạy môn GD CD không phải thể hiện ở chỗ GV có ý thức, khả năng, điều kiện vận dụng các phương pháp, phương tiện, biện pháp dạy học hiện đại hay không mà là ở thực tiễn hành động của người GV dạy môn GD CD: các phương pháp phương tiện, biện pháp dạy học đó có ưu tiên cho việc tích hợp, thực hành vận dụng kiến thức – kĩ năng, gắn các nội dung học tập với trải nghiệm của HS, đặt HS vào các tình huống của thực tiễn đời sống để yêu cầu phát biểu suy nghĩ, cảm xúc và đề xuất các giải pháp hành động... cũng như biết phải hành động như thế nào cho phù hợp không.

Nói cách khác, đổi mới phương pháp dạy học môn GD CD không phải là đánh giá xem phương pháp đó là truyền thống hay hiện đại mà là sự vận dụng linh hoạt, phù hợp với điều

kiện dạy học và hiệu quả của nó đối với mục tiêu phát triển phẩm chất, năng lực người học theo các yêu cầu cần đạt do chương trình đề ra. Khi GV tổ chức các hoạt động học tập môn GD&CD cho HS theo tinh thần chú ý đến việc rèn luyện phương pháp tư duy, khả năng tự học, nhu cầu hành động và thái độ tự tin; có sự kết hợp giữa học tập cá thể (hình thức học cá nhân) với học tập hợp tác (hình thức học tập theo nhóm, theo lớp); chú trọng kết hợp học với hành, nâng cao tri thức với rèn luyện các kỹ năng, gắn với thực tiễn cuộc sống; phát huy thế mạnh của các phương pháp dạy học tiên tiến, hiện đại, các phương tiện, thiết bị dạy học và những ứng dụng của công nghệ thông tin nhưng vẫn kết hợp hài hòa với các phương pháp dạy học truyền thống;... thì khi đó mới có thể nói được là GV đã thực sự đổi mới phương pháp dạy học nói chung và đổi mới phương pháp dạy học môn GD&CD lớp 9 nói riêng.

3.2. Hướng dẫn và gợi ý phương pháp, hình thức tổ chức dạy học/ tổ chức hoạt động

Phát triển phẩm chất, năng lực chung và năng lực đặc thù được thực hiện thông qua nội dung dạy học môn GD&CD, do đó, nội dung ở đây vừa là mục tiêu, vừa là phương tiện hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực. Phẩm chất và năng lực vừa là đầu ra của chương trình môn GD&CD, vừa là điều kiện để HS tự học, tự khám phá, chiếm lĩnh hiệu quả kiến thức GD&CD.

Phương pháp dạy học môn GD&CD nói chung và GD&CD lớp 9 nói riêng được thực hiện theo các định hướng chung sau đây:

❖ *Chú trọng tổ chức, hướng dẫn hoạt động cho HS:*

Chương trình môn GD&CD đã chỉ ra định hướng trước hết về phương pháp giáo dục của môn học này là: *“Chú trọng tổ chức, hướng dẫn các hoạt động để HS khám phá, phân tích, khai thác thông tin, xử lý tình huống thực tiễn, trường hợp điển hình; tăng cường sử dụng các thông tin, tình huống, trường hợp của thực tế cuộc sống xung quanh, gắn gũi với đời sống HS trong việc phân tích, đối chiếu, minh họa để bài học vừa có sức hấp dẫn, vừa nhẹ nhàng, hiệu quả; coi trọng tổ chức các hoạt động trải nghiệm để HS tự phát hiện và chiếm lĩnh kiến thức mới, phát triển kỹ năng và thái độ tích cực, trên cơ sở đó tự hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực của người công dân tương lai”*.

Cần phải đổi mới dạy học theo định hướng tổ chức hoạt động cho HS vì phẩm chất và năng lực chỉ có thể được hình thành trong hoạt động và thông qua hoạt động. Khái niệm năng lực đã nêu trong Chương trình Giáo dục phổ thông tổng thể cho thấy đặc điểm cơ bản của năng lực là được hình thành, phát triển thông qua hoạt động và thể hiện sự thành công trong hoạt động thực tiễn. Vì vậy, dạy học theo phát triển năng lực phải coi trọng tổ chức hoạt động.

Có ba hoạt động chủ yếu cần tổ chức cho HS tham gia tích cực, chủ động là: hoạt động khám phá vấn đề; hoạt động luyện tập; hoạt động thực hành (vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết vấn đề, xử lý tình huống trong đời sống thực tiễn).

❖ *Yêu cầu sư phạm của tổ chức hoạt động là:*

- Hoạt động phải nhằm thực hiện các yêu cầu cần đạt.
- HS phải là chủ thể của hoạt động.
- Hình thức tổ chức các hoạt động cho HS phải không ngừng được đổi mới theo hướng linh hoạt, phù hợp, hiệu quả.
- Chú trọng tổ chức, hướng dẫn các hoạt động tự học.

❖ *Kết hợp sử dụng các phương pháp dạy học theo hướng tích cực hoá hoạt động của người học:*

Định hướng này đã được chỉ rõ trong Chương trình Giáo dục phổ thông môn GDCD là: “*Kết hợp sử dụng các phương pháp dạy học truyền thống với các phương pháp dạy học hiện đại theo hướng tích cực hoá hoạt động của người học; tăng cường sử dụng các phương pháp dạy học đặc thù của môn học như: giải quyết vấn đề, phân tích trường hợp điển hình kết hợp nêu những tấm gương công dân tiêu biểu, xử lý tình huống có tính thời sự về đạo đức, pháp luật và kinh tế trong cuộc sống hằng ngày, thảo luận nhóm, đóng vai, dự án,...*”.

Theo định hướng trên, việc dạy học môn GDCD lớp 9 sẽ có sự kết hợp giữa các phương pháp dạy học như: kể chuyện, thảo luận nhóm, trò chơi, đóng vai, dạy học dự án,...

❖ *Đổi mới hình thức dạy học môn GDCD:*

Chương trình Giáo dục phổ thông môn GDCD đã nêu định hướng này như sau: “*Đổi mới hình thức dạy học môn GDCD theo hướng linh hoạt, phù hợp, hiệu quả: kết hợp dạy học theo lớp, theo nhóm và cá nhân; dạy học ở trong lớp với ngoài lớp, ngoài trường; tăng cường thực hành, rèn luyện kĩ năng trong các tình huống cụ thể của đời sống; tích cực sử dụng các phương tiện dạy học hiện đại nhằm đa dạng, cập nhật thông tin, tạo hứng thú cho HS*”.

Do chương trình có tính “mở” nên các tác giả SGK, cơ sở giáo dục và GV môn học được chủ động bố trí thời lượng cho việc tổ chức các hoạt động dạy học ở ngoài lớp, ngoài khuôn viên nhà trường, nhưng phải phù hợp với nội dung dạy học, đáp ứng yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực đã quy định trong Chương trình Giáo dục phổ thông môn GDCD và bảo đảm thực hiện các quy định về thời lượng thực hiện dạy học môn GDCD ở các lớp.

❖ *Kết hợp giáo dục trong nhà trường với giáo dục gia đình và xã hội:*

Chương trình Giáo dục phổ thông môn GDCD định hướng dạy học môn này phải: “*Kết hợp giáo dục trong nhà trường với giáo dục ở gia đình và xã hội*”.

Phương pháp giáo dục này phù hợp với đặc trưng của môn GDCD vì dạy học môn GDCD nhằm hình thành, phát triển cho HS tình cảm, niềm tin, nhận thức, cách ứng xử phù hợp với chuẩn mực đạo đức và quy định của pháp luật trong quan hệ với bản thân, với người khác, với gia đình, với cộng đồng, đất nước, nhân loại, với công việc và với môi trường tự nhiên.

Trong dạy học môn GDCD, để kết hợp giáo dục trong nhà trường với giáo dục ở gia đình và xã hội nhằm hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực cho HS, GV dạy học môn GDCD lớp 9 cần chú ý thực hiện tốt các yêu cầu sau:

– Chú trọng lựa chọn, bổ sung nội dung dạy học và tổ chức các hoạt động học tập để HS liên hệ, vận dụng kiến thức đã học vào xử lý các tình huống thường gặp trong gia đình, ngoài xã hội.

– Phối hợp với gia đình và các tổ chức xã hội để tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho HS ở ngoài lớp học, trường học, giúp cho các hoạt động của HS được diễn ra an toàn và đạt hiệu quả giáo dục.

– Kết hợp với gia đình và các tổ chức xã hội trong đánh giá kết quả giáo dục, đặc biệt là đánh giá thường xuyên (đánh giá quá trình) để bảo đảm đánh giá chính xác mức độ HS đạt được các yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực và đánh giá chính xác sự tiến bộ của HS, thông qua đánh giá kết quả để nâng cao hiệu quả giáo dục đạo đức cho HS. Muốn vậy, GV dạy

học môn GD&CD lớp 9 phải thường xuyên liên hệ với gia đình và các tổ chức xã hội trong việc quản lý, giáo dục HS và phải thiết kế được mẫu phiếu nhận xét thái độ, hành vi của HS trong tham gia các hoạt động học tập, sinh hoạt ở lớp, ở nhà, ở cộng đồng phù hợp với yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực và đảm bảo tính giáo dục.

4. HƯỚNG DẪN KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN LỚP 9

4.1. Những vấn đề chung về kiểm tra, đánh giá theo định hướng tiếp cận phẩm chất, năng lực

Trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, đánh giá kết quả giáo dục là đánh giá mức độ HS đạt được về phẩm chất và năng lực so với các yêu cầu cần đạt của mỗi lớp học, cấp học, nhằm ghi nhận sự tiến bộ và những điểm còn hạn chế của mỗi HS tại thời điểm nhất định trong quá trình phát triển của bản thân. Đồng thời, cung cấp thông tin để GV điều chỉnh việc dạy học và cơ quan quản lý giáo dục thực hiện phát triển chương trình. Đánh giá kết quả giáo dục trong môn GD&CD cũng tuân thủ yêu cầu này một cách nghiêm túc và toàn diện.

Thời lượng dành cho việc đánh giá kết quả giáo dục được quy định trong Chương trình Giáo dục phổ thông môn GD&CD là 10% trong tổng số 35 tiết ở khối lớp 9 (tương đương với 4 tiết). Nội dung là đánh giá cuối học kì và cuối năm học dựa trên kết quả môn học GD&CD lớp 9. Theo đó, các nội dung đánh giá được thực hiện theo những định hướng sau:

a) Mục tiêu đánh giá:

Đánh giá kết quả môn GD&CD lớp 9 là hoạt động thu thập thông tin và so sánh mức độ đạt được của HS so với yêu cầu cần đạt của môn học, nhằm cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về sự tiến bộ của HS, mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt của chương trình. Trên cơ sở đó, điều chỉnh hoạt động dạy học, cách tổ chức quản lý để không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục.

b) Nguyên tắc đánh giá:

– Cần lựa chọn công cụ đánh giá phù hợp. Khi đánh giá thông qua các nhiệm vụ học tập của môn học GD&CD, công cụ đánh giá chỉ nên là những bài trắc nghiệm vừa sức, chủ yếu để HS lựa chọn phương án đúng/ sai, nên/ không nên, đồng tình/ không đồng tình, có lợi/ có hại,...

– Đánh giá thông qua các nhiệm vụ học tập của môn học GD&CD cần kết hợp với đánh giá thông qua quan sát biểu hiện về thái độ, hành vi ứng xử của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập được tổ chức trên lớp học, hoạt động nhóm, hoạt động tập thể.

– Đánh giá quá trình học tập môn học GD&CD trên lớp cần kết hợp với đánh giá thông qua quan sát biểu hiện về thái độ, hành vi ứng xử của HS trong quá trình sinh hoạt ở nhà và tham gia các hoạt động cộng đồng.

– Kết quả đánh giá toàn diện HS ở môn học GD&CD phải là sự kết hợp của các loại hình đánh giá: GV đánh giá, HS tự đánh giá bản thân, HS đánh giá lẫn nhau, phụ huynh đánh giá con em,...; trong đó, đánh giá của GV là quan trọng nhất.

– Trong quá trình đánh giá, GV cần bám sát các văn bản do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành để thực hiện, mà trực tiếp là *Thông tư số 22/2021/TT-BGD&ĐT*, ngày 20 tháng 7 năm 2021 Quy định về đánh giá HS Trung học cơ sở và Trung học phổ thông.

c) Hình thức đánh giá:

– Đánh giá thường xuyên:

Đánh giá thường xuyên là một hình thức đánh giá trong dạy học môn GDCC được thực hiện qua từng hoạt động, tiết học, bài học. Đánh giá thường xuyên được thực hiện thông qua: vấn đáp, thuyết trình, viết, sản phẩm học tập,...

Mục đích của đánh giá thường xuyên là giúp GV, HS xác định mức độ được giáo dục của từng HS trên cơ sở đối chiếu với mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo Chương trình môn GDCC, từ đó, tác động phù hợp nhằm giúp các em tiến bộ không ngừng, góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả quá trình này.

Trong việc đánh giá thường xuyên của môn học GDCC, ngoài GV, cả HS cũng tự đánh giá bản thân và đánh giá lẫn nhau nhằm tạo ra sự thống nhất. Bên cạnh đó, trong nhiều trường hợp, còn có sự tham gia của các lực lượng giáo dục khác, trước hết là gia đình. Chính sự tham gia này của các lực lượng giáo dục giúp cho việc đánh giá trở nên khách quan hơn nhờ HS được đánh giá mọi lúc, mọi nơi. Ví dụ, liên quan đến những bài học của môn GDCC về mối quan hệ với gia đình, sự đánh giá của gia đình về việc HS thực hiện hành vi là cực kì quan trọng.

Nội dung đánh giá thường xuyên trong dạy học môn GDCC lớp 9 bao gồm: Các biểu hiện về phẩm chất, năng lực chung và năng lực đặc thù theo quy định của chương trình gắn với từng bài học; Các yêu cầu cần đạt theo từng nội dung, bài học được quy định trong chương trình môn học.

Những nội dung này được cụ thể hoá bằng mục tiêu của từng bài GDCC, thậm chí, mục tiêu của từng hoạt động được tổ chức theo bài GDCC đó.

Ngoài ra, đánh giá thường xuyên còn quan tâm đến quá trình HS hoạt động, nhất là tư duy, để đạt được kết quả hoạt động (kiến thức, kĩ năng, hành vi, thái độ).

Do đó, khi đánh giá HS, GV cần căn cứ vào mục tiêu hoạt động, mục tiêu bài học, đối chiếu với kết quả, tính đến các điều kiện thực hiện để xác định được mức độ được giáo dục của từng em.

Trong đánh giá thường xuyên, GV nhất thiết phải vận dụng phối hợp các phương pháp đánh giá khác nhau, nhờ đó, việc đánh giá mới bảo đảm tính khách quan, nhất là đánh giá hành vi HS. Bởi vì, các bài học GDCC liên quan đến các mối quan hệ đa dạng của các em, trong đó, có nhiều mối quan hệ ngoài nhà trường – gia đình, hàng xóm láng giềng, công trình công cộng, môi trường,... Khi đó, HS thực hiện hành vi đạo đức mà không có mặt của thầy cô. Nhờ sự vận dụng phối hợp các phương pháp, cộng với sự tham gia của các lực lượng giáo dục, cùng với tự đánh giá của HS thì hành vi của các em mới có thể được đánh giá khách quan.

Sau khi có được thông tin chính xác và đầy đủ về kết quả học tập môn GDCC của mỗi em, GV cần dự kiến và tiếp tục tác động đến HS nhằm giúp từng em khắc phục những hạn chế để đạt được những yêu cầu theo bài học và tiến bộ. Theo quy định hiện hành, hình thức đánh giá thường xuyên của môn GDCC là bằng nhận xét, không cho điểm.

Ngoài ra, trong quá trình đánh giá thường xuyên, tùy theo tính chất của bài đạo đức, GV cần liên hệ và phối hợp với các lực lượng giáo dục, nhất là gia đình, nhằm bảo đảm hiệu quả giáo dục môn học GDCC.

Trên cơ sở đánh giá thường xuyên, đối chiếu mức độ hoàn thành nhiệm vụ, kết quả đạt

được của HS với mục tiêu, yêu cầu cần đạt của Chương trình môn GD&ĐT, GV đưa ra đánh giá cá nhân HS theo một trong các mức sau:

- Mức Tốt: Đáp ứng tốt yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực của môn GD&ĐT và có nhiều biểu hiện nổi bật.
- Mức Khá: Đáp ứng yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực của môn GD&ĐT và có biểu hiện nổi bật nhưng chưa đạt được mức Tốt.
- Mức Đạt: Đáp ứng yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực của môn GD&ĐT.
- Mức Chưa đạt: Chưa đáp ứng được yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực của môn GD&ĐT.

Bên cạnh đó, GV cũng cần ghi nhận sự tiến bộ của HS sau một thời gian học tập (học kì, năm học).

b) Đánh giá định kì:

Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đánh giá định kì đối với môn học GD&ĐT được thực hiện vào bốn thời điểm: giữa học kì 1, cuối học kì 1, giữa học kì 2 và cuối năm học.

Kiểm tra, đánh giá định kì môn GD&ĐT được thực hiện kết hợp bằng hình thức nhận xét và cho điểm. Kiểm tra định kì là đánh giá kết quả giáo dục của HS sau một giai đoạn học tập, rèn luyện nhằm xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của HS so với yêu cầu cần đạt và quy định trong Chương trình Giáo dục phổ thông về sự hình thành, phát triển năng lực, phẩm chất HS.

Mục đích kiểm tra định kì: Mục đích chính của việc đánh giá định kì là thu thập thông tin từ HS để đánh giá thành quả học tập và giáo dục sau một giai đoạn học tập nhất định. Dựa vào kết quả này để xác định thành tích của HS, xếp loại HS và đưa ra kết luận giáo dục cuối cùng.

Nội dung kiểm tra định kì: Đánh giá mức độ thành thạo của HS ở các yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực sau một giai đoạn học tập (giữa kì, cuối kì).

Thời điểm kiểm tra định kì: thường được tiến hành sau khi kết thúc một giai đoạn học tập (giữa kì, cuối kì).

Hình thức: có thể là kiểm tra viết trên giấy hoặc trên máy tính; thực hành; vấn đáp, đánh giá thông qua sản phẩm học tập và thông qua hồ sơ học tập,...

Để kiểm tra, đánh giá định kì cần xây dựng ma trận, đặc tả của đề kiểm tra.

Theo *Thông tư số 22/2021/TT-BGD&ĐT*, ngày 20 tháng 7 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về đánh giá HS Trung học cơ sở và Trung học phổ thông, việc kiểm tra, đánh giá môn GD&ĐT lớp 9 được kết hợp giữa đánh giá bằng cho điểm và nhận xét kết quả học tập:

– Đánh giá bằng cho điểm kết quả thực hiện các yêu cầu về chuẩn kiến thức, kĩ năng và thái độ đối với từng chủ đề thuộc môn GD&ĐT quy định trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

– Đánh giá bằng nhận xét sự tiến bộ về thái độ, hành vi và kết quả thực hiện các nhiệm vụ học tập của HS trong quá trình học tập môn học, hoạt động giáo dục quy định ở Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

– Kết quả nhận xét sự tiến bộ về thái độ, hành vi trong việc rèn luyện đạo đức, lối sống của

HS không ghi vào sổ gọi tên và ghi điểm, mà được GV dạy môn GD CD theo dõi, đánh giá, ghi trong học bạ và phối hợp với GV chủ nhiệm sau mỗi học kì tham khảo khi xếp loại hạnh kiểm.

– Mục đích cuối cùng của môn học GD CD là hình thành và phát triển các nhận thức, hành vi phù hợp của người công dân cho HS. Do vậy, cần đánh giá cả về nhận thức và về hành vi thực hiện bài học của HS trong cuộc sống hằng ngày ở nhà trường, gia đình và cộng đồng, trong đó, đặc biệt coi trọng việc đánh giá hành vi của HS.

4.2. Một số gợi ý về hình thức và phương pháp kiểm tra, đánh giá năng lực trong môn Giáo dục công dân lớp 9

4.2.1. Gợi ý một số hình thức kiểm tra và đánh giá trong môn Giáo dục công dân lớp 9

a) Phương pháp kiểm tra tự luận

Bài kiểm tra tự luận là một phương pháp kiểm tra viết nhằm kiểm tra, đánh giá bài làm của HS như nhớ lại, sắp xếp lại, vận dụng những tri thức và kỹ năng đã học vào việc suy luận, giải quyết những vấn đề theo yêu cầu của câu hỏi kiểm tra (như trình bày, giải thích, phân tích, chứng minh, so sánh, làm bài tập thực hành,...). Phương pháp này giúp GV làm rõ không chỉ kết quả học tập môn GD CD lớp 9, mà còn là quá trình HS tư duy trong việc giải quyết các vấn đề của câu hỏi, bài tập đặt ra trong quá trình học tập môn học này.

Bài kiểm tra tự luận thường được vận dụng để kiểm tra, đánh giá trong, sau khi GV tiến hành một hoạt động, tiết học, bài học.

Có thể sử dụng bài kiểm tra tự luận để kiểm tra, đánh giá kiến thức và kỹ năng của HS. Cụ thể, đối với kiểm tra, đánh giá kiến thức, HS trả lời những câu hỏi liên quan đến sự cần thiết (ý nghĩa, tác dụng của việc thực hiện và tác hại của việc làm trái với bài học) và cách thực hiện (những hành vi, công việc cần làm, những hành động cần tránh theo bài học quy định).

Đối với kiểm tra, đánh giá kỹ năng, HS cần đánh giá hành vi (xác định hành vi đó là đúng hay sai và giải thích vì sao) hay xử lý tình huống (nêu cách xử lý tình huống và giải thích cách giải quyết của mình) liên quan đến bài học môn GD CD lớp 9.

b) Phương pháp trắc nghiệm khách quan

Trắc nghiệm khách quan là một phương pháp kiểm tra thông qua bài viết nhằm kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HS với những câu trả lời cho các câu hỏi, bài tập, về cơ bản, mang tính lựa chọn hoặc điền thêm một số từ.

Phương pháp này có hiệu quả đối với đánh giá kết quả, hạn chế trong việc đánh giá quá trình HS tư duy.

Trong dạy học môn GD CD lớp 9, trắc nghiệm khách quan có thể được sử dụng để kiểm tra, đánh giá kiến thức, thái độ và kỹ năng, hành vi của HS.

Để kiểm tra, đánh giá kiến thức, có thể sử dụng nhiều những dạng câu hỏi khác nhau. Tuy nhiên, đối với từng nội dung kiến thức cụ thể, để bảo đảm hiệu quả, cần vận dụng phù hợp. Cụ thể, với nội dung sự cần thiết thực hiện các hành vi gắn với từng bài học, dạng câu hỏi trắc nghiệm thường sử dụng là điển khuyết.

Để kiểm tra, đánh giá thái độ, bài tập trắc nghiệm yêu cầu HS bày tỏ thái độ của mình (đồng ý, không đồng ý,...) với các ý kiến, quan niệm liên quan bài học.

Để kiểm tra, đánh giá các kỹ năng, có thể thực hiện thông qua dạng bài tập như nhận xét

hành vi, xử lý tình huống, các dạng bài tập trắc nghiệm thường được sử dụng là điền đúng – sai, nhiều lựa chọn,...

Đối với việc kiểm tra, đánh giá hành vi, HS cần tự đánh giá việc thực hiện hành vi liên quan bài học.

c) Phương pháp quan sát

Quan sát là phương pháp sử dụng các giác quan (chủ yếu là thị giác và thính giác) để xem xét, làm rõ sự vật, hiện tượng theo mục đích đã xác định.

Trong dạy học môn GDCCD lớp 9, quan sát được sử dụng để kiểm tra, đánh giá cả quá trình và kết quả hoạt động của HS trên cơ sở đối chiếu với mục tiêu đề ra. Phương pháp quan sát chủ yếu nhằm kiểm tra, đánh giá những biểu hiện năng lực và thái độ, hành vi của HS theo từng hoạt động, bài học của môn GDCCD lớp 9.

d) Phương pháp vấn đáp

Vấn đáp là phương pháp hỏi và đáp giữa GV và HS nhằm làm sáng tỏ quá trình học tập của HS và những kết quả đạt được.

Phương pháp vấn đáp có thể được vận dụng để kiểm tra, đánh giá HS học tập môn GDCCD trước, trong và sau khi tiến hành một hoạt động, một tiết học, cũng như sau khi kết thúc một bài,...

Trong dạy học môn GDCCD lớp 9, phương pháp này giúp GV kiểm tra, đánh giá kiến thức, thái độ, kỹ năng, hành vi của HS liên quan đến bài học. Qua đó, GV có thể phát hiện không chỉ những kết quả học tập đó mà còn là quá trình HS tư duy (thường với câu hỏi “tại sao”, qua đó, HS giải thích nguyên nhân, thể hiện tư duy của mình,...).

e) Phương pháp đánh giá sản phẩm học tập

Phương pháp đánh giá sản phẩm học tập dựa vào sản phẩm được HS làm ra, tạo nên theo bài học để xác định kết quả học tập của các em.

Trong dạy học môn GDCCD lớp 9, những sản phẩm của HS có thể là kết quả các hoạt động khác nhau như: thảo luận nhóm, điều tra các sự vật, hiện tượng trong thực tiễn, thực hiện hành vi, công việc trong cuộc sống, dự án,... Khi đó, những sản phẩm hoạt động có thể được thể hiện qua:

- Các loại phiếu học tập (phiếu làm việc cá nhân, thảo luận nhóm, phiếu điều tra, phiếu rèn luyện, phiếu báo cáo).

- Hiện thực được cải tạo, nhất là kết quả của các hoạt động lao động (những sản phẩm này được GV quan sát trực tiếp hoặc gián tiếp qua các bức ảnh).

- Tranh ảnh, thiệp, tranh tuyên truyền, cổ động,...

- Những đồ dùng (quần áo, sách vở,...), tiền bạc được HS quyên góp,... Đối với sản phẩm là các phiếu học tập, GV nghe HS trình bày hoặc đọc kết quả được HS ghi trong phiếu, đối chiếu với đáp án (đối với làm việc cá nhân, thảo luận nhóm) hay những yêu cầu hoạt động (đối với các hoạt động điều tra, thực hiện hành vi đạo đức) để đưa ra quyết định xử lý thông tin một cách phù hợp.

Trong nhiều trường hợp, sản phẩm thể hiện qua các phiếu học tập phản ánh kết quả điều tra, thực hiện hành vi, cần có sự xác nhận của các lực lượng giáo dục liên quan.

Đối với các sản phẩm là hiện thực được cải tạo, GV cần xem xét tình trạng của sự vật sau khi HS thực hiện hành vi, công việc, đối chiếu với hiện trạng trước đó (nếu có điều kiện), với những yêu cầu với hoạt động. Nhờ đó, GV nắm bắt được thông tin về những hành vi, công việc các em đã thực hiện và kết quả đạt được.

4.2.2. Gợi ý xây dựng ma trận để kiểm tra, đánh giá cho môn học Giáo dục công dân lớp 9

4.2.2.1. Xây dựng ma trận để kiểm tra

Ma trận để kiểm tra môn GDCD là bản thiết kế để kiểm tra chứa đựng những thông tin về cấu trúc cơ bản của đề kiểm tra môn GDCD như: thời lượng, số câu hỏi, dạng thức câu hỏi; lĩnh vực kiến thức, cấp độ năng lực của từng câu hỏi, thuộc tính các câu hỏi ở từng vị trí,...

Căn cứ vào đặc thù Chương trình môn GDCD, khung ma trận để kiểm tra môn GDCD có cấu trúc như sau:

KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ/ CUỐI KÌ MÔN: GIÁO DỤC CÔNG DÂN – LỚP 9

TT	Mạch nội dung	Nội dung/ chủ đề/ bài	Mức độ đánh giá								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Mạch nội dung 1	Nội dung 1:									
		Nội dung 2:									
		Nội dung n:									
2	Mạch nội dung 2										
3	Mạch nội dung n										
Tổng câu											
Tỉ lệ %			30%		30%		30%		10%		100
Tỉ lệ chung			60%				40%				100

Lưu ý:

– Các câu hỏi ở cấp độ nhận biết là các câu hỏi trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn, trong đó, có duy nhất 1 lựa chọn đúng. Số điểm tính cho 1 câu trắc nghiệm là 0,25 điểm/ câu.

– Các câu hỏi ở cấp độ hiểu và vận dụng thấp là các câu hỏi tự luận hoặc trắc nghiệm khách quan. Số điểm tính cho 1 câu trắc nghiệm là 0,25 điểm/ câu, số điểm của câu tự luận được quy định trong hướng dẫn chấm nhưng phải tương ứng với tỉ lệ điểm được quy định trong ma trận.

– Các câu hỏi vận dụng cao là các câu hỏi tự luận. Số điểm của câu tự luận được quy định trong hướng dẫn chấm nhưng phải tương ứng với tỉ lệ điểm được quy định trong ma trận.

– Đối với đề kiểm tra cuối kì: Kiểm tra nội dung học toàn học kì, những nội dung đã kiểm tra giữa kì thì chỉ kiểm tra ở mức độ nhận biết và không quá 10% số điểm.

4.2.2.2. Bản đặc tả đề kiểm tra

Bản đặc tả đề kiểm tra môn GDCD là một bản mô tả chi tiết, có vai trò như một hướng dẫn để viết một đề kiểm tra hoàn chỉnh, cung cấp thông tin về cấu trúc đề kiểm tra, hình thức câu hỏi, số lượng câu hỏi ở mỗi loại, và phân bố câu hỏi trên mỗi mục tiêu đánh giá.

Về cấu trúc, bản đặc tả có cấu trúc hai chiều, với một chiều là các chủ đề kiến thức và một chiều là các cấp độ năng lực mà người học sẽ được đánh giá thông qua đề kiểm tra.

Bản đặc tả đề kiểm tra giúp nâng cao độ giá trị của hoạt động đánh giá, giúp xây dựng đề kiểm tra đánh giá đúng những mục tiêu dạy học dự định được đánh giá. Nó cũng giúp đảm bảo sự đồng nhất giữa các đề kiểm tra dùng để phục vụ cùng một mục đích đánh giá. Bên cạnh lợi ích đối với hoạt động kiểm tra đánh giá, bản đặc tả đề kiểm tra có tác dụng giúp cho hoạt động học tập trở nên rõ ràng, có mục đích, có tổ chức và có thể kiểm soát được. Người học có thể sử dụng để chủ động đánh giá việc học và tự chấm điểm sản phẩm học tập của mình. Còn người dạy có thể áp dụng để triển khai hướng dẫn các nhiệm vụ, kiểm tra và đánh giá. Bên cạnh đó, nó cũng giúp các nhà quản lý giáo dục kiểm soát chất lượng giáo dục của đơn vị mình.

Phần này mô tả chi tiết các hình thức câu hỏi sẽ sử dụng trong đề kiểm tra; phân bố thời gian và điểm số cho từng câu hỏi.

Dưới đây là một mẫu bản đặc tả đề kiểm tra minh họa của môn GDCD lớp 9:

BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ MÔN: GIÁO DỤC CÔNG DÂN – LỚP 9

TT	Mạch nội dung	Nội dung	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ đánh giá			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Mạch nội dung 1	Nội dung 1:	Nhận biết Thông hiểu Vận dụng Vận dụng cao				
		Nội dung 2:	Nhận biết Thông hiểu Vận dụng Vận dụng cao				
		Nội dung n:					

TT	Mạch nội dung	Nội dung	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ đánh giá			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
2	Mạch nội dung 2						
3	Mạch nội dung n						
Tổng			... câu TNKQ	... câu TL/ TNKQ	... câu TL/ TNKQ	... câu TL	
Tỉ lệ %			30%	30%	30%	10%	
Tỉ lệ chung			60%			40%	

Lưu ý:

– Các câu hỏi ở cấp độ nhận biết là các câu hỏi trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn, trong đó có duy nhất 1 lựa chọn đúng. Số điểm tính cho 1 câu trắc nghiệm là 0,25 điểm/câu.

– Các câu hỏi ở cấp độ hiểu và vận dụng thấp là các câu hỏi tự luận hoặc trắc nghiệm khách quan. Số điểm tính cho 1 câu trắc nghiệm là 0,25 điểm/ câu, số điểm của câu tự luận được quy định trong hướng dẫn chấm nhưng phải tương ứng với tỉ lệ điểm được quy định trong ma trận.

– Các câu hỏi vận dụng cao là các câu hỏi tự luận. Số điểm của câu tự luận được quy định trong hướng dẫn chấm nhưng phải tương ứng với tỉ lệ điểm được quy định trong ma trận.

– Đối với đề kiểm tra cuối kì: Kiểm tra nội dung học toàn học kì, những nội dung đã kiểm tra giữa kì thì chỉ kiểm tra ở mức độ nhận biết và không quá 10% số điểm.

4.2.2.3. Giới thiệu bản đặc tả của môn Giáo dục công dân lớp 9

TT	Mạch nội dung	Nội dung	Mức độ đánh giá
1	Giáo dục đạo đức	Bài 1. Sống có lí tưởng	Nhận biết: Nêu được khái niệm sống có lí tưởng. Thông hiểu: – Giải thích được ý nghĩa của việc sống có lí tưởng. – Nhận biết được lí tưởng sống của thanh niên Việt Nam. Vận dụng: Xác định được lí tưởng sống của bản thân và nỗ lực học tập, rèn luyện theo lí tưởng.
2	Giáo dục đạo đức	Bài 2. Khoan dung	Nhận biết: Nêu được khái niệm khoan dung và biểu hiện của khoan dung. Thông hiểu: Nhận biết được giá trị của khoan dung. Vận dụng: Phê phán các biểu hiện thiếu khoan dung.

TT	Mạch nội dung	Nội dung	Mức độ đánh giá
			Vận dụng cao: Thực hiện được những việc làm thể hiện sự khoan dung trong những tình huống cụ thể, phù hợp với lứa tuổi.
3	Giáo dục đạo đức	Bài 3. Tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng	Nhận biết: – Hiểu được thế nào là hoạt động cộng đồng; nêu được một số hoạt động cộng đồng. – Nhận biết được trách nhiệm của học sinh trong việc tham gia vào các hoạt động cộng đồng. Thông hiểu: Giải thích được sự cần thiết phải tham gia các hoạt động cộng đồng. Vận dụng: Phê phán biểu hiện thờ ơ, thiếu trách nhiệm với các hoạt động cộng đồng. Vận dụng cao: Tham gia tích cực, tự giác các hoạt động chung của cộng đồng phù hợp với lứa tuổi do lớp, trường, địa phương tổ chức.
4	Giáo dục đạo đức	Bài 4. Khách quan và công bằng	Nhận biết: Nhận biết được những biểu hiện khách quan, công bằng. Thông hiểu: Hiểu được ý nghĩa của khách quan, công bằng; tác hại của sự thiếu khách quan, công bằng. Vận dụng: Thể hiện được thái độ khách quan, công bằng trong cuộc sống hằng ngày. Vận dụng cao: Phê phán những biểu hiện không khách quan, công bằng.
5	Giáo dục đạo đức	Bài 5. Bảo vệ hoà bình	Nhận biết: Nêu được thế nào là hoà bình và bảo vệ hoà bình; các biểu hiện của hoà bình. Thông hiểu: Giải thích được vì sao cần phải bảo vệ hoà bình. Vận dụng: Phê phán xung đột sắc tộc và chiến tranh phi nghĩa. Nhận ra được những biện pháp để thúc đẩy và bảo vệ hoà bình. Vận dụng cao: Biết lựa chọn và tham gia những hoạt động phù hợp để bảo vệ hoà bình.

TT	Mạch nội dung	Nội dung	Mức độ đánh giá
6		Bài 6. Quản lý thời gian hiệu quả	Nhận biết: – Hiểu được thế nào là quản lý thời gian hiệu quả. – Nêu được cách quản lý thời gian hiệu quả. Thông hiểu: Nhận biết được sự cần thiết phải quản lý thời gian hiệu quả. Vận dụng cao: Thực hiện được kỹ năng quản lý thời gian hiệu quả.
7	Giáo dục kỹ năng sống	Bài 7. Thích ứng với thay đổi	Nhận biết: – Nêu được một số thay đổi có khả năng xảy ra trong cuộc sống của bản thân và gia đình. – Nêu được các biện pháp để thích ứng với thay đổi trong cuộc sống. Thông hiểu: Nhận biết được ý nghĩa của việc thích ứng trước những thay đổi trong cuộc sống. Vận dụng: Thích ứng được với một số thay đổi (nếu có) trong cuộc sống của bản thân.
8	Giáo dục kinh tế	Bài 8. Tiêu dùng thông minh	Nhận biết: – Nhận biết được thế nào là tiêu dùng thông minh; lợi ích của tiêu dùng thông minh. – Nêu được các cách tiêu dùng thông minh (nắm bắt thông tin về sản phẩm, sử dụng sản phẩm an toàn, nhận biết những hình thức quảng cáo khác nhau, xác định phương thức thanh toán,...). Thông hiểu: Đánh giá được các hành vi tiêu dùng thông minh và kém thông minh Vận dụng: Khích lệ, giúp đỡ người thân, bạn bè trở thành người tiêu dùng thông minh. Vận dụng cao: Thực hiện được hành vi tiêu dùng thông minh trong một số tình huống cụ thể.
9	Giáo dục pháp luật	Bài 9. Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí	Nhận biết: – Nêu được khái niệm vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí; các loại vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí. – Nêu được ý nghĩa của trách nhiệm pháp lí. Thông hiểu: Phân tích, đánh giá được các hành vi vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí trong một số tình huống cụ thể.

TT	Mạch nội dung	Nội dung	Mức độ đánh giá
			Vận dụng cao: Nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật; tích cực ngăn ngừa và đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật.
10	Giáo dục pháp luật	Bài 10. Quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế	Nhận biết: Nêu được quy định cơ bản của pháp luật về quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế. Thông hiểu: Phân tích, đánh giá được hậu quả của hành vi vi phạm pháp luật về quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế. Vận dụng: Nhận biết được trách nhiệm công dân trong việc thực hiện quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế. Vận dụng cao: Vận động gia đình, người thân thực hiện tốt quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế

5. GIỚI THIỆU HỌC LIỆU BỔ TRỢ, HỌC LIỆU ĐIỆN TỬ, THIẾT BỊ GIÁO DỤC

5.1. Giới thiệu, hướng dẫn sử dụng sách giáo viên Giáo dục công dân 9

5.1.1. Cấu trúc sách giáo viên

Sách giáo viên (SGV) *GDCD 9* gồm hai phần:

Phần 1: Những vấn đề chung về dạy học môn *GDCD* lớp 9

- Vị trí và mục tiêu dạy học môn *GDCD*.
- Yêu cầu cần đạt của việc dạy học môn *GDCD*.
- Nội dung môn *GDCD* lớp 9.
- Cấu trúc và nội dung sách giáo khoa *GDCD 9*.
- Phương pháp dạy học môn *GDCD* lớp 9.
- Đánh giá kết quả giáo dục.
- Hướng dẫn đánh giá kết quả học tập môn *GDCD 9*.
- Tài nguyên dạy học.
- Khai thác thiết bị và học liệu trong dạy học.

Phần 2: Hướng dẫn thực hiện các bài học trong SGK *GDCD 9*

5.1.2. Hướng dẫn sử dụng sách giáo viên hiệu quả

– SGV là tài liệu tham khảo mang tính chất định hướng và gợi ý cho GV trong quá trình dạy học; GV cần linh hoạt vận dụng và sáng tạo trong quá trình thiết kế hoạt động dạy học, soạn kế hoạch bài dạy.

– Ở mỗi chủ điểm, bài học, nội dung biên soạn được xây dựng nhằm phát triển đầy đủ các năng lực đặc thù, tuy nhiên, mức độ đối với từng năng lực có khác nhau. Tùy bài học, GV nên

chú trọng vào những năng lực có điều kiện phát huy ở bài học đó. Cũng cần chú ý thêm: việc phân chia đơn vị bài học trên SGK *GDCD 9* theo yêu cầu của *Thông tư 05/2022/TT-BGDĐT sửa đổi Thông tư 33/2017/TT-BGDĐT* về quy trình biên soạn chỉnh sửa SGK; tuy nhiên, GV cần hiểu các đơn vị bài học nhằm bảo đảm tính hệ thống về mặt cấu trúc sách, do đó, GV có thể linh hoạt, chủ động sắp xếp các nội dung học thành tiết sao cho bảo đảm việc tổ chức dạy học, tính vừa sức của HS; sao cho các hoạt động “động” và “tĩnh” được bố trí xen kẽ nhau để tránh sự quá tải đối với HS và làm mất đi sự hứng thú, niềm vui của các em khi học tập môn *GDCD*. Ngoài ra, nhiều gợi ý trong các hoạt động chỉ mang tính chỉ báo về mặt nội dung cần đạt được, GV nên chủ động lựa chọn phương pháp, kỹ thuật dạy học và hình thức tổ chức học tập phù hợp nhằm đạt được hiệu quả tốt nhất cho môn học.

– Dựa vào SGK, GV nên lựa chọn các giải pháp phù hợp HS, điều kiện vật chất cũng như văn hoá vùng miền để hoạt động dạy học thực sự mang lại kết quả tốt đẹp.

– Số tiết đối với mỗi bài chỉ là dự kiến, tùy tình hình cụ thể của lớp học, GV có thể tăng, giảm cho phù hợp nhằm đảm bảo phát huy tốt nhất chất lượng dạy học ở mỗi chủ đề/ bài học.

5.2. Giới thiệu, hướng dẫn sử dụng sách bổ trợ, sách tham khảo

Một số học liệu, thiết bị dạy học phục vụ cho việc dạy học môn *GDCD* lớp 9 bao gồm: SGK *GDCD 9*, sách Bài tập *GDCD 9*, tranh ảnh minh họa, trò chơi ô chữ, sơ đồ tư duy,...

Khi sử dụng SGK *GDCD 9* làm tài liệu dạy học chính thức, bên cạnh SGK, tài nguyên dạy học còn có sách Bài tập *GDCD 9*.

Sách Bài tập *GDCD 9* là tài liệu bổ trợ đi kèm SGK *GDCD 9* nhằm giúp HS luyện tập, củng cố, mở rộng thêm kiến thức trong giờ học. Tài liệu này được thiết kế bám sát những mức độ yêu cầu cần đạt của 10 bài học trong SGK *GDCD 9*; chú trọng tăng cường khả năng nhận diện, khám phá và thực hành những nhiệm vụ gắn với thực tiễn đời sống, phù hợp với lứa tuổi và đặc điểm tâm lý, thể chất HS; chủ yếu gồm các dạng bài tập: xem hình để lựa chọn các phương án đúng/ sai, nên/ không nên, quan sát tranh, đọc chuyện, xử lý tình huống,...

5.3. Giới thiệu, hướng dẫn sử dụng, khai thác nguồn tài nguyên, học liệu điện tử, thiết bị dạy học

5.3.1. Nguồn tài nguyên, học liệu điện tử

Nguồn tài nguyên sách và học liệu điện tử được cập nhật thường xuyên để phiên bản điện tử của SGK luôn là phiên bản mới nhất. Các website của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (NXBGDVN) luôn theo dõi quá trình học tập, sử dụng của người dùng để tổng hợp các thắc mắc và có phản hồi thường xuyên. NXBGDVN cam kết sẽ hỗ trợ GV giải đáp thắc mắc, tư vấn cho GV, phụ huynh và HS một cách nhanh chóng.

Việc tổ chức dạy học SGK *GDCD* lớp 9 được hướng dẫn triển khai thông qua các tài liệu sau:

- SGK, SGK, sách Bài tập *GDCD 9*;
- Bộ tranh về các tình huống cụ thể với các nhân vật sinh động trong SGK *GDCD 9*;
- Tài liệu tập huấn tổ chức dạy học thực hiện dạy học theo SGK mới môn *GDCD* lớp 9;
- Các trang web giúp GV khai thác học liệu phục vụ giảng dạy SGK *GDCD 9*, bao gồm:
+ taphuan.nxbgd.vn

+ hanhtrangso.nxbgd.vn

+ chantroisangtao.vn

GV và cán bộ quản lý có thể khai thác, sử dụng các tài liệu trên dưới sự hướng dẫn, hỗ trợ của các tác giả và nhà xuất bản một cách cụ thể, có kế hoạch, theo quy trình tập huấn khoa học được chuẩn bị và xây dựng từ trước.

5.3.2. Thiết bị dạy học

Bên cạnh SGK, SGV, sách Bài tập *GDCD 9*, NXBGDVN còn cung ứng bộ tranh, video clip thiết bị dạy học tối thiểu (ban hành kèm theo *Thông tư số 38/2021/ TT- BGDDT* ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo). Bộ tranh, video clip, dụng cụ tương ứng đối với mỗi bài như sau:

Bài 1: Sống có lí tưởng, gồm các tranh thể hiện: Hình ảnh một bạn HS nỗ lực học tập thật tốt để luôn tự hào là du học sinh Việt Nam; Hình ảnh một bạn học sinh người dân tộc thiểu số tự hứa với bản thân sẽ cố gắng học tập và rèn luyện sức khoẻ để trở thành một quân nhân bảo vệ Tổ quốc; Hình ảnh các bạn thanh niên tình nguyện đang thu dọn rác dưới kênh để bảo vệ môi trường; Hình ảnh một HS có ước mơ, hoài bão sẽ phấn đấu để sau này trở thành một bác sĩ và chữa bệnh cho bà con nghèo.

Bài 2: Khoan dung, gồm các tranh thể hiện: Hình ảnh một bạn nữ đang ngồi ân hận và tự dằn vặt về những sai lầm mà mình mắc phải; Hình ảnh nhóm HS nam đang nói chuyện về việc không cho một bạn trong nhóm chơi đá bóng vì bạn đó lần trước phạm lỗi với đội mình.

Bài 3: Tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng, gồm các video clip và những hình ảnh về tình huống thực tế: HS tham gia trồng cây hưởng ứng phong trào “Tết trồng cây đời đời nhớ ơn Bác”; HS tham gia phát gạo miễn phí cho bệnh nhân, người nghèo; HS tham gia quyên góp, ủng hộ cho đồng bào miền Trung bị lũ lụt; Thanh niên tình nguyện đi hiến máu.

Bài 4: Khách quan và công bằng, gồm các tranh thể hiện: Hình ảnh hai bạn HS tranh cãi về con số 9 hay số 6; Hình ảnh về câu chuyện ngụ ngôn nổi tiếng “Thầy bói xem voi”.

Bài 5: Bảo vệ hoà bình, gồm các hình ảnh thể hiện: Lễ kí kết Hiệp định Paris ngày 27/01/1973 về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam; Lễ kí kết Hiệp định Giơnevơ ngày 20/7/1954 về đình chỉ chiến tranh, khôi phục hoà bình ở Đông Dương, bãi bỏ quyền cai trị của người Pháp, công nhận nền độc lập của ba quốc gia Việt Nam, Lào và Campuchia; Hình ảnh Việt Nam đã cử sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp đi thực hiện nhiệm vụ gìn giữ hoà bình Liên hợp quốc.

Ngoài ra, cần lưu ý một số yêu cầu sau trong việc sử dụng phương tiện, thiết bị dạy học môn GDCD lớp 9 nhằm phát triển năng lực đặc thù của môn GDCD nói riêng:

– *Thứ nhất*, coi trọng việc sử dụng phương tiện, thiết bị dạy học để hỗ trợ quá trình nhận thức trực quan, cảm tính của HS nhưng phải sử dụng đúng lúc, đúng chỗ, thực sự có hiệu quả, tránh hình thức, tránh lạm dụng gây phản tác dụng đối với người học, làm giảm hiệu quả của quá trình dạy học. GV cần xác định rõ mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học của từng bài học cụ thể. Trên cơ sở đó, xác định phương tiện, thiết bị cần sử dụng, cách thức và thời điểm sử dụng. Cần sử dụng đúng lúc, đúng chỗ, linh hoạt hiệu quả trong tất cả các khâu của quá trình dạy học (hướng dẫn HS trải nghiệm, khám phá, phát hiện và giải quyết vấn đề luyện tập, thực hành, vận dụng vào thực tiễn) tránh hình thức, tránh lạm dụng.

– *Thứ hai*, tạo điều kiện để HS thực sự được thực hành, thao tác trên các phương tiện, thiết bị dạy học. GV không nên lạm dụng việc thuyết giảng và làm mẫu trên bộ đồ dùng dạy học của GV, biến HS thành những “quan sát viên” bất đắc dĩ, mà nên tạo điều kiện để HS thực hành, thao tác trực tiếp trên phương tiện, thiết bị dạy học (quan sát, lựa chọn,...), qua đó, giúp HS trải nghiệm, khám phá, phát hiện kiến thức một cách chủ động, tích cực, rèn luyện kỹ năng tìm tòi, giải quyết vấn đề sáng tạo, góp phần phát triển năng lực điều chỉnh hành vi, năng lực phát triển bản thân.

– *Thứ ba*, khai thác thiết bị dạy học trong dạy học. Khuyến khích sử dụng các phương tiện nghe nhìn, phương tiện kỹ thuật hiện đại hỗ trợ quá trình dạy học, đồng thời, coi trọng việc sử dụng các phương tiện truyền thống, phương tiện trực quan thao tác được những phương tiện có thể trực tiếp cầm, nắm, sắp xếp, dịch chuyển. Các phương tiện và thiết bị dạy học hiện đại tác động mạnh mẽ tới việc đổi mới phương pháp dạy học. Việc khai thác các phương tiện, thiết bị dạy học hiện đại không chỉ giúp việc học trở nên trực quan, hứng thú, tích cực hơn, mà còn giúp GV tiết kiệm thời gian.

– *Thứ tư*, tăng cường thiết bị dạy học tự làm. Cần động viên, khuyến khích và phát triển các thiết bị dạy học tự làm phù hợp với nội dung học và các đối tượng HS. Trong quá trình hình thành ý tưởng và thiết kế phương tiện, thiết bị, HS được rèn luyện ý thức chăm chỉ, tự giác, kỹ năng giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề. Như vậy, hoạt động tự làm thiết bị của GV và HS không chỉ có ý nghĩa bổ sung kịp thời các phương tiện, thiết bị dạy học, đặc biệt là thiết bị học tập cá nhân, mà còn góp phần thực hiện mục tiêu phát triển toàn diện về phẩm chất và năng lực cho HS.

– *Thứ năm*, phối hợp sử dụng linh hoạt các loại hình thiết bị dạy học. Mỗi loại hình thiết bị dạy học khác nhau (thiết bị truyền thống và hiện đại, thiết bị quan sát và thực hành, thiết bị thực và ảo, thiết bị được cung cấp với thiết bị tự làm). Tùy vào nội dung bài học, phương pháp dạy học mà có thể kết hợp sử dụng các loại hình thiết bị dạy học với nhau và phối hợp chúng một cách hợp lý, khoa học và sinh động.

– *Thứ sáu*, tùy theo điều kiện của từng trường, từng nội dung dạy học cụ thể mà GV có thể lựa chọn một số mô hình, hoặc sử dụng phần mềm xây dựng một số hình ảnh trực quan hỗ trợ dạy học.

Bên cạnh đó, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong các bài giảng, tích cực sử dụng giáo án điện tử kết hợp với việc sử dụng thiết bị dạy học một cách linh hoạt nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả dạy học. Tương ứng với từng chủ đề là những câu chuyện thực tế, hình ảnh bài báo, tranh vẽ minh họa để tăng tính trực quan, sinh động cho bài học.

Như vậy, có thể khẳng định nếu làm chủ được các vấn đề lý luận về dạy học môn GD CD theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực, từ vấn đề nắm vững chương trình môn học, làm chủ các chủ đề ở SGK. Đồng thời, nếu biết cách linh hoạt sử dụng các phương pháp dạy học phù hợp với môn học, khéo léo lựa chọn các hình thức tổ chức dạy học, khai thác các tài nguyên dạy học hiệu quả, vận dụng các hình thức đánh giá HS trong môn học một cách khoa học thì GV dạy học môn GD CD hoàn toàn có thể làm chủ được việc triển khai hiệu quả môn học này trong quá trình dạy học thực tiễn.

Phần hai.

HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG KẾ HOẠCH BÀI DẠY

1. THIẾT KẾ KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN

Trên cơ sở khoa học trong việc tổ chức hoạt động dạy học và hướng dẫn thiết kế kế hoạch bài dạy theo *Công văn 5512/BGDĐT-GDTrH* ban hành ngày 18 tháng 12 năm 2020 và *Công văn 2613/BGDĐT-GDTrH* ban hành ngày 23 tháng 6 năm 2021. Các công văn này chủ yếu là đưa ra các tiêu chí về mặt quy trình để thiết kế KHBD mà không quy định về mẫu kế hoạch bài dạy cụ thể.

Do đó, trong quá trình thực hiện, xây dựng kế hoạch bài dạy cho môn học GDCC nói chung và môn GDCC lớp 9 nói riêng, GV cần lưu ý các yêu cầu sau:

- Lấy HS làm trung tâm: Các hoạt động được tổ chức đều hướng đến HS, đẩy mạnh việc hướng dẫn và giao nhiệm vụ tập luyện cho HS.

- Cụ thể hoá mục tiêu trong từng kế hoạch: Khi lập kế hoạch dạy học cần đưa ra mục tiêu đầy đủ và cụ thể để đáp ứng được những yêu cầu cần đạt trong chương trình và vừa sức với năng lực của HS.

- Lập kế hoạch dạy học bằng nhiều hoạt động đa dạng: Các hoạt động nên chú trọng vào việc HS được thực hành, tiếp cận trực tiếp vào nội dung kiến thức, được tích cực thực hiện các công việc và có được những sản phẩm học tập cần thiết.

- Không nên triển khai nhiều nội dung kiến thức vào tiết học: Khác với chương trình giáo dục hiện hành, chương trình giáo dục phổ thông mới đánh giá HS qua sự phát triển hằng ngày về năng lực và phẩm chất. GV nên lập kế hoạch dạy học cụ thể, nội dung không quá nhiều nhưng vẫn đảm bảo mức cơ bản, HS vẫn có thể đáp ứng các yêu cầu cần đạt trong chương trình. Mỗi bài học trong SGK GDCC 9 có thể được dạy trong nhiều tiết, GV có thể chủ động lập kế hoạch dạy học phù hợp với đặc điểm của HS, nhà trường, địa phương.

- Không ngừng sáng tạo: Để tổ chức một tiết dạy học hay và sinh động, không thể thiếu sự sáng tạo của GV – người tổ chức hoạt động nhất là với môn GDCC. GV có thể sáng tạo nhiều điều hay như sử dụng thiết bị dạy học bằng các vật liệu tái chế hoặc có thể hướng dẫn và giao nhiệm vụ làm dụng cụ tập luyện tái chế cho HS.

2. KẾ HOẠCH BÀI DẠY MINH HOẠ

Chủ đề: KHOAN DUNG

Bài 2: Khoan dung

Thời lượng: 3 tiết

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

Phẩm chất, năng lực	YCCĐ	Mã hoá
1. Phẩm chất chủ yếu		
Nhân ái	Tôn trọng sự khác biệt về nhận thức, phong cách cá nhân của những người khác. Cảm thông và sẵn sàng giúp đỡ mọi người.	NA.1
2. Năng lực chung		
Năng lực giao tiếp và hợp tác	Biết chủ động trong giao tiếp; tự tin và biết kiểm soát cảm xúc, thái độ khi nói trước nhiều người.	GT – HT.2
3. Năng lực điều chỉnh hành vi (đặc thù)		
Nhận thức chuẩn mực hành vi	Nêu được khái niệm khoan dung và biểu hiện của khoan dung.	CD.1.1
	Nhận biết được giá trị của khoan dung.	CD.1.2
Điều chỉnh hành vi	Thực hiện được những việc làm thể hiện sự khoan dung trong những tình huống cụ thể, phù hợp với lứa tuổi.	CD.1.3
Đánh giá hành vi của bản thân và người khác	Phê phán các biểu hiện thiếu khoan dung.	CD.1.4

II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH

1. Học liệu

- SGK, tài liệu tham khảo về chủ đề *Khoan dung*.
- Giấy A4, A3, A0, viết lông, sáp màu,...

2. Học liệu số, phần mềm, thiết bị công nghệ

- Máy tính, máy chiếu, phần mềm PowerPoint,...
- Các tranh vẽ, hình ảnh và video clip thể hiện nội dung về lòng khoan dung của con người Việt Nam.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. Tiến trình

Hoạt động học	Mục tiêu	Nội dung dạy học trọng tâm	Phương pháp/ Kĩ thuật/ Hình thức dạy học	Phương án đánh giá
Hoạt động mở đầu	Tạo tâm thế tích cực cho HS.	HS nêu ý nghĩa của thông điệp.	Đàm thoại.	Đánh giá thông qua nhiệm vụ học tập.
Hoạt động khám phá	NA.1 GT – HT.2 CD.1.1 CD.1.2 CD.1.3 CD.1.4	– Nêu được khái niệm khoan dung và biểu hiện của khoan dung. – Nhận biết được giá trị của khoan dung. – Thực hiện được những việc làm thể hiện sự khoan dung trong những tình huống cụ thể, phù hợp với lứa tuổi. – Phê phán các biểu hiện thiếu khoan dung.	– Dạy học hợp tác. – Dạy học giải quyết vấn đề. – Kĩ thuật khăn trải bàn. – Kĩ thuật chia sẻ nhóm đôi.	– Đánh giá qua bảng kiểm thái độ, hành vi. – Đánh giá thông qua nhiệm vụ học tập.
Hoạt động luyện tập	NA.1 GT – HT.2 CD.1.2 CD.1.2 CD.1.3 CD.1.4	– HS xác định đâu là câu tục ngữ, thành ngữ nói về lòng khoan dung. – HS xây dựng bài thuyết trình nói về giá trị của lòng khoan dung. – HS nhận xét việc làm và đưa ra lời tư vấn phù hợp. – HS rút ra bài học cho bản thân để rèn luyện đức tính khoan dung.	– Đàm thoại. – Dạy học hợp tác. – Dạy học giải quyết vấn đề. – Kĩ thuật chia sẻ nhóm đôi. – Kĩ thuật phòng tranh.	– Đánh giá qua bảng kiểm thái độ, hành vi. – Đánh giá thông qua nhiệm vụ học tập.
Hoạt động vận dụng	NA.1 GT – HT.2 CD.1.2 CD.1.2 CD.1.3 CD.1.4	– Thiết kế thông điệp về lòng khoan dung. – Xác định nguyên nhân không thể hiện được đức tính khoan dung của bản thân và đề xuất hướng giải quyết.	– Đàm thoại. – Dạy học giải quyết vấn đề.	Đánh giá qua bảng kiểm thái độ, hành vi.
Hoạt động tổng kết	Theo yêu cầu cần đạt	Đánh giá mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt.	Dạy học hợp tác.	– Đánh giá qua bảng kiểm thái độ, hành vi. – Đánh giá thông qua nhiệm vụ học tập.

Gợi ý: Sử dụng dạy học hợp tác và kĩ thuật khăn trải bàn.

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc thông tin và trả lời câu hỏi trong SGK trang 11 – 12:

+ *Những việc làm của nhân dân, chính sách của Đảng và Nhà nước ta trong các thông tin thể hiện truyền thống nào của dân tộc Việt Nam? Những việc làm đó có kết quả, ý nghĩa như thế nào?*

+ *Theo em, thế nào là khoan dung? Khoan dung có biểu hiện và ý nghĩa như thế nào?*

– Tổ chức thực hiện:

+ Với câu hỏi thứ nhất, GV có thể cho HS thảo luận nhóm theo nhóm đôi. Sau đó, chỉ định hoặc mời 2 – 3 nhóm HS đại diện trả lời. Các nhóm còn lại lắng nghe, nhận xét và bổ sung thêm ý nếu có.

+ Với câu hỏi thứ hai, GV chia lớp thành 6 nhóm, mỗi nhóm có từ 4 – 6 HS. Các nhóm sẽ được nhận một tờ giấy khổ lớn A0 và phân công nhiệm vụ tương ứng với câu hỏi trong SGK trang 12.

• HS chia giấy A0 thành các phần, bao gồm một phần trung tâm và các phần xung quanh có số lượng bằng với số thành viên trong nhóm.

• Mỗi thành viên ngồi vào vị trí tương ứng với các phần xung quanh. Mỗi thành viên làm việc độc lập, suy nghĩ và viết các ý tưởng về nhiệm vụ được giao vào ô của mình trong thời gian quy định. Kết thúc thời gian làm việc cá nhân, các thành viên chia sẻ, thảo luận và thống nhất câu trả lời. Đại diện nhóm sẽ ghi các ý kiến/ câu trả lời được thống nhất vào phần trung tâm của giấy A0.

– GV yêu cầu đại diện các nhóm trình bày, trả lời các câu hỏi và mời các nhóm khác nhận xét.

– GV nhận xét và chốt các ý theo nội dung hoạt động.

– HS lắng nghe nhiệm vụ và phản hồi về việc hiểu yêu cầu của nhiệm vụ.

– Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc thông tin, làm việc theo nhóm để trả lời câu hỏi.

– Các nhóm cử đại diện để trình bày kết quả thảo luận của nhóm. Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung để hoàn thiện câu trả lời.

– HS lắng nghe GV chốt ý.

Gợi ý câu trả lời:

– Những việc làm của nhân dân, chính sách của Đảng và Nhà nước ta trong các thông tin thể hiện truyền thống của dân tộc Việt Nam: lòng khoan dung, nhân ái.

- + Đối với thông tin 1: Những việc làm thể hiện tấm lòng khoan dung như hành động “mở lòng hiếu sinh”, cấp thuyền cho quân địch thua trận trở về nước,... làm cho giặc thua tâm phục khẩu phục, kính nể đất nước và con người Việt Nam.
- + Đối với thông tin 2: Chính sách khoan hồng của Đảng và Nhà nước nhằm tạo cơ hội cho những người từng mắc lỗi lầm có cơ hội sửa sai, trở thành người có ích cho xã hội và có thể hoà nhập với cộng đồng.
 - Khoan dung là rộng lòng tha thứ. Biểu hiện của khoan dung là biết tha thứ cho chính mình và cho người khác khi họ biết hối hận và sửa chữa lỗi lầm; lắng nghe và tôn trọng sự khác biệt của người khác, không cố chấp, hẹp hòi, định kiến.
 - Người có lòng khoan dung luôn được mọi người yêu mến, tin cậy và có nhiều bạn tốt. Người được tha thứ sẽ có cơ hội trở thành người tốt, khắc phục lỗi lầm, khiếm khuyết của bản thân. Nhờ có lòng khoan dung mà cuộc sống và mối quan hệ giữa mọi người trở nên lành mạnh, thân ái, tốt đẹp hơn.

Khám phá 2: Quan sát hình ảnh, đọc các trường hợp và thực hiện yêu cầu

- a) Mục tiêu: NA.1, GT – HT.2, CD.1.3.
- b) Nội dung: HS quan sát hình ảnh, đọc các trường hợp trong SGK trang 13 và trả lời câu hỏi:
 - Em hãy nhận xét về suy nghĩ, việc làm của nhân vật trong các hình ảnh, trường hợp.
 - Em hãy chia sẻ về những việc làm thể hiện sự khoan dung, thiếu khoan dung mà em biết và rút ra bài học cho bản thân.
- c) Sản phẩm: HS nhận xét được việc làm, thái độ của nhân vật trong các trường hợp và rút ra bài học liên quan đến lòng khoan dung.
- d) Tổ chức thực hiện:

Gợi ý: Sử dụng dạy học giải quyết vấn đề và kỹ thuật chia sẻ nhóm đôi.

- Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS quan sát hình ảnh, đọc các trường hợp trong SGK trang 13, thảo luận theo nhóm đôi và thực hiện yêu cầu:
 - + Em hãy nhận xét về suy nghĩ, việc làm của nhân vật trong các hình ảnh, trường hợp.
 - + Em hãy chia sẻ về những việc làm thể hiện sự khoan dung, thiếu khoan dung mà em biết và rút ra bài học cho bản thân.
- Tổ chức thực hiện: Sau khi thảo luận xong, GV chỉ định hoặc mời 1 – 2 nhóm HS đại diện trình bày, chia sẻ câu trả lời trước lớp, các nhóm khác lắng nghe để nhận xét, góp ý, bổ sung.
- GV kết luận, nhận định.

- Thực hiện nhiệm vụ:
 - + HS làm việc theo nhóm đôi, quan sát hình ảnh, đọc các trường hợp, thảo luận để thực hiện yêu cầu.
 - + HS ghi chép phần thảo luận của nhóm vào giấy A4.
 - Các nhóm đôi được GV chỉ định hoặc mời lên chia sẻ câu trả lời trước lớp. Sau khi chia sẻ xong, các nhóm có thể mời các nhóm khác cùng trao đổi, góp ý thêm để phần chia sẻ của nhóm mình được hoàn thiện hơn.
- HS lắng nghe GV chốt ý.

Gợi ý câu trả lời:

- Nhận xét về suy nghĩ, việc làm của nhân vật trong các hình ảnh, trường hợp:
 - + Hình 1: Bạn nữ biết hối hận với sai lầm đã mắc phải và tự hứa với bản thân sẽ không tái phạm nữa.

- + Hình 2: Bạn nam mang áo số 5 không rộng lượng, sống hẹp hòi khi không biết bỏ qua lỗi lầm lúc trước của bạn.
- + Trường hợp 1: Bạn N có cách cư xử nhẹ nhàng, khéo léo, cởi mở, biết bỏ qua lỗi sai của người khác, giúp tránh được những chuyện không hay ngoài ý muốn xảy ra.
- + Trường hợp 2: Bạn A sống ích kỉ, chỉ nghĩ đến cảm nhận của bản thân mà không biết chia sẻ cùng người khác.
- Những việc làm thể hiện sự khoan dung:
- + Bỏ qua lỗi lầm của bạn khi bạn xin lỗi và sửa sai;
- + Không chấp vặt, nhỏ nhen, ích kỉ;
- + Sống chan hoà với tất cả mọi người,...
- Những việc làm thiếu khoan dung:
- + Hay nhắc lại lỗi lầm của bạn;
- + Chỉ nghĩ đến cảm xúc cá nhân, không cần quan tâm người khác nghĩ gì,...
- Bài học rút ra cho bản thân: Cần rèn luyện lối sống gần gũi, chan hoà, chân thành với mọi người; chấp nhận sự khác biệt của mỗi người, không kì thị hay nói xấu người khác,...

Tóm tắt ghi nhớ

- GV gạch dưới hoặc tô đậm các ý phát biểu của HS đã rút thành từ khoá, câu để làm nền cho ghi nhớ.
- GV tổ chức cho HS thực hiện sơ đồ tư duy ghi nhớ theo khung:
- + Khái niệm khoan dung.
- + Biểu hiện của khoan dung.
- + Ý nghĩa của lòng khoan dung.
- + Rèn luyện đức tính khoan dung.

HS tự ghi kết luận do GV chốt ý:

- Khoan dung là rộng lòng tha thứ.
- Biểu hiện của khoan dung là biết tha thứ cho chính mình và cho người khác khi họ biết hối hận và sửa chữa lỗi lầm; lắng nghe và tôn trọng sự khác biệt của người khác, không cố chấp, hẹp hòi, định kiến.
- Người có lòng khoan dung luôn được mọi người yêu mến, tin cậy và có nhiều bạn tốt. Người được tha thứ sẽ có cơ hội trở thành người tốt, khắc phục lỗi lầm, khiếm khuyết của bản thân. Nhờ có lòng khoan dung mà cuộc sống và mối quan hệ giữa mọi người trở nên lành mạnh, thân ái, tốt đẹp hơn.
- Để rèn luyện đức tính khoan dung, chúng ta cần sống cởi mở, gần gũi với mọi người. Cư xử chân thành, rộng lượng, tôn trọng và chấp nhận cá tính, sở thích, thói quen của người khác. Đồng thời, phê phán thói ích kỉ, hẹp hòi, thiếu sự độ lượng, khoan dung.

Hoạt động luyện tập

Nhiệm vụ 1: Nhận biết câu tục ngữ, thành ngữ thể hiện sự khoan dung

a) Mục tiêu: GT – HT.2, CD.1.1.

b) Nội dung: HS đọc các câu tục ngữ, thành ngữ trong SGK trang 14, cho biết câu nào thể hiện sự khoan dung, câu nào không thể hiện sự khoan dung và giải thích vì sao:

- “Chín bỏ làm mười”.
- “Ăn đến oản trả”.

– “Ăn miếng trả miếng”. – “Đánh kẻ chạy đi, không ai đánh người chạy lại”. c) Sản phẩm: HS nêu được ý nghĩa của các câu tục ngữ, thành ngữ liên quan đến lòng khoan dung. d) Tổ chức thực hiện:	
Gợi ý: Sử dụng dạy học hợp tác và kỹ thuật chia sẻ nhóm đôi. – GV tổ chức cho HS làm việc, thảo luận theo nhóm đôi. – GV yêu cầu mỗi nhóm đôi thảo luận về ý nghĩa của các câu tục ngữ, thành ngữ trong SGK trang 14 và trình bày quan điểm của mình đối với mỗi câu. Các thành viên tự ghi lại và chia sẻ cho bạn về suy nghĩ của bản thân. Sau đó, nhóm đôi này tiếp tục chia sẻ với các nhóm khác hoặc cả lớp. – GV có thể hoàn chỉnh ý HS phát biểu. – GV đưa ra đánh giá và kết luận.	– HS thảo luận nhóm đôi để bày tỏ quan điểm về những câu tục ngữ, thành ngữ. – HS lắng nghe GV chốt ý và đối chiếu lại với phần trả lời của nhóm mình.
Gợi ý câu trả lời: – Câu tục ngữ, thành ngữ thể hiện lòng khoan dung: + “Chín bỏ làm mười”: chấp nhận bỏ qua, châm chước cho những lỗi lầm của người khác, không cần tính toán chi li, rõ ràng. + “Đánh kẻ chạy đi, không ai đánh người chạy lại”: ý muốn khuyên dạy chúng ta nên tha thứ, bỏ qua lỗi lầm của những người biết hối lỗi, nhận ra lỗi lầm của mình. – Câu tục ngữ, thành ngữ không thể hiện lòng khoan dung: – “Ăn đến oán trả”: tinh thần còn mong muốn sự trả thù, so đo, tính toán và hẹp hòi. – “Ăn miếng trả miếng”: là biểu hiện của sự hung hăng, tính toán và hẹp hòi.	
Nhiệm vụ 2: Thuyết trình về giá trị của lòng khoan dung	
a) Mục tiêu: NA.1, GT – HT.2, CD.1.2. b) Nội dung: HS đọc câu nói trong SGK trang 14 và thuyết trình về giá trị của lòng khoan dung. c) Sản phẩm: HS thực hiện được phần thuyết trình của HS về giá trị của lòng khoan dung. d) Tổ chức thực hiện:	
Gợi ý: Sử dụng dạy học hợp tác và kỹ thuật phòng tranh. – Giao nhiệm vụ: GV chia lớp thành 4 nhóm và giao nhiệm vụ cho các nhóm: Em hãy xây dựng nội dung để thực hiện bài thuyết trình trước lớp về giá trị của lòng khoan dung thể hiện thông qua câu nói: <i>Sự tha thứ không thể làm thay đổi quá khứ, nhưng nó có thể mở rộng tương lai. (Paul Boese)</i>	– HS đọc câu nói và thực hiện bài thuyết trình. – Các nhóm lần lượt thảo luận theo sự hướng dẫn của GV. Khi thảo luận còn thắc mắc, yêu cầu nhóm ghi chú lại để cùng trao đổi với các nhóm khác. – Đại diện các nhóm lên trình bày, các nhóm còn lại đặt câu hỏi, bổ sung và góp ý.

- Sau khi thảo luận xong, HS ghi nội dung thảo luận ra giấy A3 và dán lên bảng trưng bày. Đại diện các nhóm lên thuyết trình. Khi nhóm thuyết trình, các nhóm còn lại lắng nghe, đặt câu hỏi, nhận xét, bổ sung. - GV kết luận và đánh giá.	HS lắng nghe GV chốt ý cũng như rút kinh nghiệm cho những hoạt động kế tiếp.
--	--

Nhiệm vụ 3: Đọc các tình huống và trả lời câu hỏi

- a) Mục tiêu: NA.1, GT – HT.2, CD.1.4.
b) Nội dung: HS đọc các tình huống trong SGK trang 14 – 15 và nhận xét hành vi, việc làm của các nhân vật để tư vấn cách ứng xử phù hợp.
c) Sản phẩm: HS nêu được quan điểm về việc làm của nhân vật trong các tình huống và đưa ra lời khuyên phù hợp.
d) Tổ chức thực hiện:

Gợi ý: Sử dụng dạy học giải quyết vấn đề và kĩ thuật chia sẻ nhóm đôi.

- Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc các tình huống trong SGK trang 14 – 15, thảo luận theo nhóm đôi để nhận xét hành vi, việc làm của các nhân vật để tư vấn cách ứng xử phù hợp.
- Tổ chức thực hiện: Sau khi thảo luận xong, GV chỉ định hoặc mời 1 – 2 nhóm HS đại diện trình bày, chia sẻ câu trả lời trước lớp, các nhóm khác lắng nghe để nhận xét, góp ý, bổ sung.
- GV kết luận, nhận định.

- Thực hiện nhiệm vụ:
 - HS làm việc theo nhóm đôi, đọc các tình huống trong và trao đổi, thảo luận để thể hiện sản phẩm theo yêu cầu.
 - HS ghi chép phần thảo luận của mình vào giấy A4.
 - Nhóm đôi được GV mời hoặc chỉ định chia sẻ câu trả lời trước lớp, mạnh dạn trình bày câu trả lời. Sau khi chia sẻ xong, nhóm này có thể mời các nhóm khác cùng trao đổi, góp ý thêm cho nội dung trình bày của nhóm mình được hoàn thiện hơn.
 - HS lắng nghe GV chốt ý.

Gợi ý câu trả lời:

- Tình huống 1: Việc làm của bạn N hoàn toàn sai vì bạn không biết lắng nghe và tôn trọng các thành viên khác. Bạn ấy luôn tìm những khuyết điểm của người khác để chê bai. Lời khuyên: Bạn N cần khiêm tốn, học cách lắng nghe và tôn trọng các bạn. Đồng thời, cần biết khen ngợi, động viên thay vì chê bai khi bạn làm sai.
- Tình huống 2: Hành động của bạn V không đúng vì bạn ấy thường chỉ nghĩ cho bản thân mình, không biết nghĩ đến mọi người xung quanh. Đây là lối sống ích kỉ. Lời khuyên: Bạn V nên thay đổi suy nghĩ, trước khi làm việc gì cần suy nghĩ đến cảm nhận người khác.

Nhiệm vụ 4: Đọc tình huống và rút ra bài học cho bản thân

- a) Mục tiêu: NA.1, GT – HT.2, CD.1.3.
b) Nội dung: HS đọc tình huống trong SGK trang 15 và thực hiện yêu cầu: *Em hãy đọc tình huống và rút ra bài học cho bản thân để rèn luyện đức tính khoan dung.*
c) Sản phẩm: HS nêu được bài học cho bản thân để rèn luyện đức tính khoan dung.
d) Tổ chức thực hiện:

Gợi ý: Sử dụng kỹ thuật chia sẻ nhóm đôi. – GV tổ chức cho HS làm việc, thảo luận theo nhóm đôi. – GV yêu cầu mỗi nhóm đôi trình bày bài học rút ra từ tình huống trong SGK trang 15. Các thành viên tự ghi lại và chia sẻ cho bạn về suy nghĩ của bản thân. Sau đó, nhóm đôi này tiếp tục chia sẻ với nhóm khác hoặc cả lớp. – GV có thể hoàn chỉnh ý HS phát biểu. – GV đưa ra đánh giá và kết luận.	– HS thảo luận nhóm đôi để chia sẻ bài học rút ra từ tình huống. – HS lắng nghe GV chốt ý và đối chiếu lại với phần trả lời của nhóm mình.
Gợi ý câu trả lời: Bài học bản thân rút ra cho bản thân: Cần luôn biết quan tâm, giúp đỡ và thấu hiểu, đồng cảm cho người khác. Đồng thời, trước khi phán xét thì cần phải tìm hiểu kỹ mọi việc, biết tôn trọng mọi người.	
Hoạt động vận dụng	
Nhiệm vụ 1: Thiết kế sản phẩm	
a) Mục tiêu: NA.1, GT – HT.2, CD. 1.1. a) Nội dung: HS thiết kế sản phẩm theo yêu cầu trong SGK trang 15: <i>Em hãy chọn một thông điệp về sự khoan dung mà em yêu thích. Sau đó, thiết kế, trang trí thông điệp đó tại góc bàn học, làm hình nền của máy tính, điện thoại (nếu có) như một sự nhắc nhở em về lòng khoan dung.</i> c) Sản phẩm: HS thực hiện sản phẩm thiết kế với thông điệp về sự khoan dung. d) Tổ chức thực hiện:	
– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS chọn một thông điệp về sự khoan dung mà mình yêu thích. Sau đó, thiết kế, trang trí thông điệp đó và đặt tại góc bàn học, làm hình nền của máy tính, điện thoại (nếu có) như một sự nhắc nhở bản thân về lòng khoan dung. – Thực hiện nhiệm vụ: HS dành thời gian để thực hiện yêu cầu. – Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS lên trình bày phần nội dung đã chuẩn bị. – Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá, tuyên dương những nội dung chia sẻ tốt, đạt yêu cầu, đồng thời, động viên, khích lệ những em có phần nội dung chia sẻ chưa phù hợp và hướng dẫn cách điều chỉnh.	
Nhiệm vụ 2: Tự rèn luyện đức tính khoan dung cho bản thân	
a) Mục tiêu: NA.1, GT – HT.2, CD. 1.3, CD.1.4. b) Nội dung: HS thực hiện yêu cầu trong SGK trang 15: <i>Em hãy viết ra những điều thể hiện sự khoan dung hoặc chưa khoan dung đối với bản thân, người thân, bạn bè; xác định nguyên nhân vì sao chưa thể hiện sự khoan dung. Từ đó, đề xuất hướng giải quyết và chia sẻ kết quả thực hiện trước lớp.</i> c) Sản phẩm: HS đưa ra được hướng giải quyết đối với những hành vi, việc làm chưa thể hiện sự khoan dung của bản thân, người thân, bạn bè. d) Tổ chức thực hiện: – GV giao nhiệm cho HS tự tìm hiểu, chọn lọc những nội dung phù hợp để xây dựng được một kế hoạch rèn luyện cho bản thân.	

- GV có thể giao nhiệm vụ cho HS thực hiện hoạt động này ở nhà, sau đó, tổ chức cho HS báo cáo, chia sẻ và học hỏi lẫn nhau.
- HS thực hiện nhiệm vụ được giao.
- HS nộp sản phẩm.
- GV nhận xét, đánh giá và kết luận.

Hoạt động tổng kết

a) Mục tiêu: Khắc sâu các yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực cho HS.

b) Nội dung: Nhận xét, đánh giá thái độ, hành vi thực hiện những việc làm thể hiện khoan dung; Phê phán những hành vi thiếu khoan dung.

c) Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu đại diện của các nhóm tổng kết về các nội dung:
 - + Khái niệm khoan dung.
 - + Biểu hiện của khoan dung.
 - + Giá trị của khoan dung.
 - + Thực hiện những việc làm thể hiện sự khoan dung.
 - + Phê phán các biểu hiện thiếu khoan dung.
- GV nhận xét, đánh giá mức độ HS đáp ứng yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực.
- GV động viên, giao nhiệm vụ tiếp nối.

- Đại diện các nhóm trình bày ý kiến tổng kết về nội dung bài học.
- Các nhóm khác góp ý kiến để hoàn thiện.
- HS tiếp nhận ý kiến nhận xét, đánh giá của GV và nhận nhiệm vụ tiếp nối được giao.

IV. HỒ SƠ DẠY HỌC

A. NỘI DUNG DẠY HỌC

● Xác định nội dung dạy học:

- Nêu được khái niệm khoan dung và biểu hiện của khoan dung.
- Nhận biết được giá trị của khoan dung.
- Thực hiện được những việc làm thể hiện sự khoan dung trong những tình huống cụ thể, phù hợp với lứa tuổi.
- Phê phán các biểu hiện thiếu khoan dung.

● Kiến thức trọng tâm:

- Khoan dung là rộng lòng tha thứ.
- Biểu hiện của khoan dung là biết tha thứ cho chính mình và cho người khác khi họ biết hối hận và sửa chữa lỗi lầm; lắng nghe và tôn trọng sự khác biệt của người khác, không cố chấp, hẹp hòi, định kiến.

– Người có lòng khoan dung luôn được mọi người yêu mến, tin cậy và có nhiều bạn tốt. Người được tha thứ sẽ có cơ hội trở thành người tốt, khắc phục lỗi lầm, khiếm khuyết của bản thân. Nhờ có lòng khoan dung mà cuộc sống và mối quan hệ giữa mọi người trở nên lành mạnh, thân ái, tốt đẹp hơn.

– Để rèn luyện đức tính khoan dung, chúng ta cần sống cởi mở, gần gũi với mọi người. Cư xử chân thành, rộng lượng, tôn trọng và chấp nhận cá tính, sở thích, thói quen của người khác. Đồng thời, phê phán thói ích kỷ, hẹp hòi, thiếu sự độ lượng, khoan dung.

Chủ đề: TIÊU DÙNG THÔNG MINH**Bài 8: Tiêu dùng thông minh****Thời lượng: 3,5 tiết****I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

Phẩm chất, năng lực	YCCĐ	Mã hoá
1. Phẩm chất chủ yếu		
Trách nhiệm	Thể hiện trách nhiệm đối với bản thân, việc tiêu dùng thông minh của bản thân và gia đình.	TN.1
2. Năng lực chung		
Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo	Xác định được và biết tìm hiểu các thông tin liên quan đến tiêu dùng thông minh một cách hiệu quả.	GQVĐ – ST.1
3. Năng lực điều chỉnh hành vi (đặc thù)		
Nhận thức chuẩn mực hành vi	Nhận biết được thể nào là tiêu dùng thông minh; lợi ích của tiêu dùng thông minh.	CD.1.1
	Nêu được các cách tiêu dùng thông minh (nắm bắt thông tin về sản phẩm, sử dụng sản phẩm an toàn, nhận biết những hình thức quảng cáo khác nhau, xác định phương thức thanh toán,...).	CD.1.2
Đánh giá hành vi của bản thân và người khác	Đánh giá được hành vi tiêu dùng thông minh và kém thông minh.	CD.1.3
	Khích lệ, giúp đỡ người thân, bạn bè trở thành người tiêu dùng thông minh.	CD.1.4
Điều chỉnh hành vi	Thực hiện được hành vi tiêu dùng thông minh trong một số tình huống cụ thể.	CD.1.5

II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**1. Học liệu**

- SGK, tài liệu tham khảo về chủ đề *Tiêu dùng thông minh*.
- Giấy A4, A3, A0, viết lông, sáp màu,...

2. Học liệu số, phần mềm, thiết bị công nghệ

- Máy tính, máy chiếu, phần mềm PowerPoint,...
- Các tranh vẽ, hình ảnh và video clip thể hiện nội dung về tiêu dùng thông minh.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. Tiến trình

Hoạt động học	Mục tiêu	Nội dung dạy học trọng tâm	Phương pháp/ Kỹ thuật/ Hình thức dạy học	Phương án đánh giá
Hoạt động mở đầu	Tạo tâm thế tích cực cho HS.	Chia sẻ thói quen mua hàng của mình, người thân trong gia đình và nhận xét về thói quen chi tiêu đó.	Đàm thoại.	Đánh giá thông qua nhiệm vụ học tập.
Hoạt động khám phá	TN.1 GQVĐ – ST.1 CD.1.1 CD.1.2 CD.1.3 CD.1.4 CD.1.5	- Nêu được biểu hiện một số hành vi tiêu dùng thông minh và kém thông minh. - Hiểu được lợi ích của tiêu dùng thông minh. - Nêu được các cách tiêu dùng thông minh (nắm bắt thông tin về sản phẩm, sử dụng sản phẩm an toàn, nhận biết những hình thức quảng cáo khác nhau, xác định phương thức thanh toán,...).	- Dạy học hợp tác, khám phá. - Dạy học nêu và giải quyết vấn đề. - Kỹ thuật tia chớp. - Kỹ thuật phòng tranh. - Kỹ thuật đặt câu hỏi.	- Đánh giá qua bảng kiểm thái độ, hành vi. - Đánh giá thông qua nhiệm vụ học tập.
Hoạt động luyện tập	TN.1 GQVĐ – ST.1 CD.1.2 CD.1.3 CD.1.4 CD.1.5	- Vận dụng kiến thức để xử lý tình huống. - Thực hiện được hành vi tiêu dùng thông minh trong một số tình huống cụ thể. - Khích lệ, giúp đỡ người thân, bạn bè trở thành người tiêu dùng thông minh.	- Đàm thoại. - Dạy học hợp tác. - Dạy học giải quyết vấn đề. - Kỹ thuật phòng tranh. - Kỹ thuật đặt câu hỏi.	- Đánh giá qua bảng kiểm thái độ, hành vi. - Đánh giá thông qua nhiệm vụ học tập.
Hoạt động vận dụng	TN.1 GQVĐ – ST.1 CD.1.4	Lựa chọn lựa chọn một hoặc một số sản phẩm cần thiết với bản thân hoặc gia đình để tìm hiểu thông tin của sản phẩm.	- Đàm thoại. - Dạy học giải quyết vấn đề.	Đánh giá thông qua bảng kiểm thái độ, hành vi.

Hoạt động học	Mục tiêu	Nội dung dạy học trọng tâm	Phương pháp/ Kỹ thuật/ Hình thức dạy học	Phương án đánh giá
Hoạt động tổng kết	Theo yêu cầu cần đạt	Đánh giá mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt.	Dạy học hợp tác.	– Đánh giá thông qua bảng kiểm thái độ, hành vi. – Đánh giá thông qua nhiệm vụ học tập.

B. Các hoạt động học

Hoạt động dạy	Hoạt động học
Hoạt động mở đầu	
a) Mục tiêu: Tạo cảm hứng học tập cho HS. b) Nội dung: HS chia sẻ thói quen mua hàng của mình, người thân trong gia đình và nhận xét về thói quen chi tiêu đó. c) Sản phẩm: HS trình bày và nhận xét được về thói quen mua hàng của mình, người thân trong gia đình. d) Tổ chức thực hiện:	
Gợi ý: Sử dụng dạy học đàm thoại. – Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS chia sẻ về thói quen mua hàng của mình, người thân trong gia đình và nhận xét về thói quen chi tiêu đó. – GV dành thời gian cho HS suy nghĩ câu trả lời. GV tổ chức cho HS suy nghĩ câu trả lời lồng ghép với chủ đề <i>Tiêu dùng thông minh</i>. – GV tổng kết, đánh giá và dẫn vào nội dung bài học.	– HS lắng nghe nhiệm vụ và phản hồi về việc hiểu yêu cầu của nhiệm vụ. – HS làm việc theo hình thức thảo luận nhóm đôi. – HS lắng nghe, tương tác. – HS lắng nghe GV chốt ý cũng như rút kinh nghiệm cho những hoạt động kế tiếp.

Hoạt động khám phá

Nhiệm vụ 1: Quan sát hình ảnh và trả lời câu hỏi

a) Mục tiêu: TN.1, GQVĐ – ST.1, CD.1.1.

b) Nội dung: HS quan sát hình ảnh trong SGK trang 43 – 44 và trả lời câu hỏi:

– Theo em, trong các hình ảnh, hành vi tiêu dùng nào là phù hợp và hành vi nào không phù hợp? Vì sao?

– Theo em, các hành vi tiêu dùng trên có thể dẫn tới những kết quả như thế nào?

– Từ các hình ảnh, em hãy xác định biểu hiện của người tiêu dùng thông minh và người tiêu dùng kém thông minh. Lợi ích của hành vi tiêu dùng thông minh là gì?

c) Sản phẩm: HS trình bày được biểu hiện và lợi ích của tiêu dùng thông minh.

d) Tổ chức thực hiện:

Gợi ý: Sử dụng dạy học đàm thoại.

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS quan sát hình ảnh SGK trang 43 – 44 và trả lời câu hỏi:

– Theo em, trong các hình ảnh, hành vi tiêu dùng nào là phù hợp và hành vi nào không phù hợp? Vì sao?

– Theo em, các hành vi tiêu dùng trên có thể dẫn tới những kết quả như thế nào?

– Từ các hình ảnh, em hãy xác định biểu hiện của người tiêu dùng thông minh và người tiêu dùng kém thông minh. Lợi ích của hành vi tiêu dùng thông minh là gì?

– Tổ chức thực hiện: GV cho HS thời gian để suy nghĩ câu trả lời cho các câu hỏi.

– GV tổng kết, đánh giá, rút ra kết luận.

– HS lắng nghe nhiệm vụ và thực hiện yêu cầu.

– HS lắng nghe, tương tác.

– HS lắng nghe GV chốt ý.

Gợi ý câu trả lời:

– Hình 2, hình 3, hình 4: Thể hiện hành vi tiêu dùng thông minh; Hình 1: Chưa thể hiện hành vi tiêu dùng thông minh. Theo đó, tiêu dùng thông minh là mua sắm có kế hoạch, tiết kiệm, hiệu quả và phù hợp với đặc điểm của từng cá nhân.

– Lợi ích của việc tiêu dùng thông minh: Tiêu dùng thông minh giúp người tiêu dùng mua được sản phẩm có chất lượng, tiết kiệm thời gian, tiền bạc, thực hiện được kế hoạch chi tiêu, bảo vệ sức khỏe và quyền lợi của người tiêu dùng.

Nhiệm vụ 2: Đọc nội dung, quan sát hình ảnh và thực hiện yêu cầu

a) Mục tiêu: TN.1, GQVĐ – ST.1, CD.1.2.

b) Nội dung: Đọc nội dung, quan sát hình ảnh trong SGK trang 44 – 45 và trả lời câu hỏi:

– Từ thông tin và hình ảnh 1, theo em, khi xây dựng kế hoạch tiêu dùng cần lưu ý điều gì? Vì sao?

– Từ thông tin và hình ảnh 2, theo em, việc tìm hiểu các thông tin về sản phẩm sẽ mang lại những lợi ích gì? Vì sao?

– Việc tìm hiểu cách sử dụng sản phẩm và phương thức thanh toán sẽ mang lại lợi ích như thế nào cho người tiêu dùng? Vì sao?

c) Sản phẩm: HS giải thích được cần thiết của lập kế hoạch tiêu dùng, cách thức sử dụng sản phẩm và phương thức thanh toán.

d) Tổ chức thực hiện:

Gợi ý: Sử dụng dạy học hợp tác và kĩ thuật tia chớp.

– GV có thể trình chiếu từng thông tin, hình ảnh trong thời gian quy định hoặc có thể thiết kế các hình ảnh chuyển động liên tiếp. GV dừng ở hình ảnh nào thì HS trả lời câu hỏi ngay ở hình ảnh đó.

– GV có thể tổ chức chia lớp làm 4 nhóm, kết quả được chia thành các cột tương ứng với mỗi nhóm:

+ Nhóm 1: Từ thông tin và hình ảnh 1, theo em, khi xây dựng kế hoạch tiêu dùng cần lưu ý điều gì? Vì sao?

+ Nhóm 2: Từ thông tin và hình ảnh 2, theo em, việc tìm hiểu các thông tin về sản phẩm sẽ mang lại những lợi ích gì? Vì sao?

+ Nhóm 3, 4: Việc tìm hiểu cách sử dụng sản phẩm và phương thức thanh toán sẽ mang lại lợi ích như thế nào cho người tiêu dùng? Vì sao?

– GV có thể hoàn chỉnh ý HS phát biểu, rút thành từ khoá, câu để làm nền cho từng ý của ghi nhớ.

– GV đánh giá và kết luận.

– HS lắng nghe nhiệm vụ và tham gia trò chơi.

– HS lắng nghe, tương tác.

– HS lắng nghe GV chốt ý.

Gợi ý câu trả lời:

- Khi xây dựng kế hoạch tiêu dùng cần lưu ý: kế hoạch phải phù hợp với nhu cầu của bản thân như: thức ăn, nước uống, đồ dùng học tập cần thiết, đi lại,... vì điều này sẽ giúp người tiêu dùng mua được sản phẩm có chất lượng, tiết kiệm thời gian, tiền bạc, thực hiện được kế hoạch chi tiêu, bảo vệ sức khoẻ và quyền lợi của người tiêu dùng.
- Việc tìm hiểu các thông tin về sản phẩm sẽ giúp người tiêu dùng ra quyết định thông minh, phù hợp nhu cầu và tình hình tài chính cá nhân.
- Việc tìm hiểu cách sử dụng sản phẩm và phương thức thanh toán sẽ đảm bảo an toàn, bảo vệ quyền lợi cho người tiêu dùng.

Khám phá 3: Đọc các trường hợp và thực hiện yêu cầu

a) Mục tiêu: TN.1, GQVĐ – ST.1, CD.1.2.

b) Nội dung: HS đọc các trường hợp trong SGK trang 45 – 46 để thực hiện yêu cầu: *Em hãy áp dụng các cách tiêu dùng thông minh để gợi ý cho bạn H và bạn V cách chi tiêu phù hợp.*

c) Sản phẩm: HS nêu được cách lập kế hoạch chi tiêu hợp lý phù hợp với bản thân.

d) Tổ chức thực hiện:

Gợi ý: Sử dụng dạy học hợp tác.

Bước 1: GV yêu cầu HS đọc các trường hợp trong SGK trang 45 – 46 để thực hiện yêu cầu: *Em hãy áp dụng các cách tiêu dùng thông minh để gợi ý cho bạn H và bạn V cách chi tiêu phù hợp.*

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS làm việc cá nhân, đọc các thông tin và suy nghĩ câu trả lời.

Bước 3: Kết luận, đánh giá:

- GV mời 2 – 3 HS trình bày câu trả lời.
- GV và HS nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá và tổng kết:

- GV tổng kết các kiến thức quan trọng của nội dung bài học.
- GV có thể hoàn chỉnh ý HS phát biểu, rút thành từ khoá, câu để làm nền cho từng ý của ghi nhớ.

– HS lắng nghe nhiệm vụ.

– HS đọc các trường hợp và thực hiện yêu cầu.

– HS lần lượt trình bày các câu trả lời, các bạn khác lắng nghe và góp ý, bổ sung, trao đổi.

– HS lắng nghe và ghi nhận ý kiến. HS phát biểu được các ý chính liên quan đến cách tiêu dùng thông minh sao cho hợp lý, phù hợp với bản thân, GV lọc ý và ghi lên bảng.

Gợi ý câu trả lời:

- Xác định nhu cầu chính đáng và lập kế hoạch tiêu dùng: Mua đồ dùng thiết yếu phù hợp với nhu cầu và đặc điểm của bản thân.
- Tìm hiểu thông tin sản phẩm (chất lượng, mẫu mã, giá cả,...): Chủ động tìm hiểu các thông tin về sản phẩm thông qua nhiều kênh khác nhau để chọn lọc thông tin một cách chính xác.
- Sử dụng sản phẩm an toàn: Sử dụng đúng cách, đảm bảo chất lượng, an toàn cho sức khoẻ.
- Lựa chọn phương thức thanh toán phù hợp: Sử dụng tiền mặt hoặc thanh toán trực tuyến phù hợp với bản thân, tình hình thực tế, kiểm tra kĩ hoá đơn trước khi thanh toán và lưu giữ chứng từ giao dịch để xử lí khi cần thiết.

Tóm tắt ghi nhớ

– GV gạch dưới hoặc tô đậm các ý phát biểu của HS đã rút thành từ khoá, câu để làm nền cho ghi nhớ.

– GV tổ chức cho HS thực hiện sơ đồ tư duy ghi nhớ theo khung:

+ Biểu hiện của tiêu dùng thông minh.

+ Lợi ích của tiêu dùng thông minh.

+ Các cách tiêu dùng thông minh.

+ Khuyến giúp giúp đỡ bạn bè, người thân tiêu dùng thông minh.

HS tự ghi kết luận do GV chốt ý:

– Tiêu dùng thông minh là mua sắm có kế hoạch, tiết kiệm, hiệu quả và phù hợp với đặc điểm của từng cá nhân.

– Tiêu dùng thông minh giúp người tiêu dùng mua được sản phẩm có chất lượng, tiết kiệm thời gian, tiền bạc, thực hiện được kế hoạch chi tiêu, bảo vệ sức khoẻ và quyền lợi của người tiêu dùng.

– Cách tiêu dùng thông minh:

+ Xác định nhu cầu chính đáng và lập kế hoạch tiêu dùng: Mua đồ dùng thiết yếu phù hợp với nhu cầu và đặc điểm của bản thân.

+ Tìm hiểu thông tin sản phẩm (chất lượng, mẫu mã, giá cả,...): Chủ động tìm hiểu các thông tin về sản phẩm thông qua nhiều kênh khác nhau để chọn lọc thông tin một cách chính xác.

+ Sử dụng sản phẩm an toàn: Sử dụng đúng cách, đảm bảo chất lượng, an toàn cho sức khoẻ.

+ Lựa chọn phương thức thanh toán phù hợp: Sử dụng tiền mặt hoặc thanh toán trực tuyến phù hợp với bản thân, tình hình thực tế, kiểm tra kĩ hoá đơn trước khi thanh toán và lưu giữ chứng từ giao dịch để xử lí khi cần thiết.

– HS cần rèn luyện thói quen và tuân thủ cách tiêu dùng thông minh để đảm bảo an toàn tài chính, sức khoẻ cho bản thân và gia đình. Đồng thời, khích lệ, tư vấn và thực hiện được những việc làm phù hợp để giúp đỡ người thân, bạn bè trở thành người tiêu dùng thông minh.

Hoạt động luyện tập	
Nhiệm vụ 1: Nhận xét thói quen tiêu dùng của các nhân vật	
a) Mục tiêu: QGVĐ – ST.1, CD.1.3 b) Nội dung: HS đọc biểu hiện của các hành vi tiêu dùng trong SGK trang 47 và nhận xét về thói quen tiêu dùng của các nhân vật: – Cô D thường mua những sản phẩm có giá càng rẻ càng tốt. – Anh T thường mua hàng theo cảm xúc hoặc a dua theo bạn bè. – Ông A thường xuyên tìm hiểu các thông tin về sản phẩm trước khi mua. – Bạn K thường dựa vào đánh giá của người khác khi mua hàng trực tuyến. – Bạn H luôn mua sắm những sản phẩm đắt tiền để thể hiện đẳng cấp của bản thân. c) Sản phẩm: HS nhận biết được những thói quen tiêu dùng thông minh. d) Tổ chức thực hiện:	
Gợi ý: Sử dụng dạy học hợp tác và kĩ thuật chia sẻ nhóm đôi. – GV tổ chức cho HS làm việc, thảo luận theo nhóm đôi. – GV yêu cầu mỗi nhóm đôi trình bày quan điểm về hành vi tiêu dùng của nhân vật trong các trường hợp trong SGK trang 47. Các thành viên tự ghi lại và chia sẻ cho bạn về suy nghĩ của bản thân. Sau đó, nhóm đôi này tiếp tục chia sẻ với các nhóm khác hoặc cả lớp. – GV có thể hoàn chỉnh ý HS phát biểu. – GV đưa ra đánh giá và kết luận.	– HS thảo luận nhóm đôi để bày tỏ quan điểm về những hành vi tiêu dùng của các nhân vật. – HS lắng nghe GV chốt ý và đối chiếu lại với phần trả lời của nhóm mình. – HS lắng nghe GV chốt ý.
Gợi ý câu trả lời: – Trường hợp c, d: Các nhân vật có thói quen tiêu dùng thông minh, cụ thể là: Tìm hiểu các thông tin về sản phẩm trước khi mua. – Trường hợp a, b, e: Các nhân vật chưa có thói quen tiêu dùng thông minh.	
Nhiệm vụ 2: Tư vấn về hành vi mua sắm của nhân vật	
a) Mục tiêu: QGVĐ – ST.1, CD.1.1, CD.1.4, CD.1.5. b) Nội dung: HS vận dụng cách tiêu dùng thông minh để nhận xét, tư vấn về hành vi mua sắm của nhân vật trong các trường hợp trong SGK trang 47. c) Sản phẩm: HS tư vấn được hành vi tiêu dùng thông minh cho nhân vật trong các trường hợp cụ thể. d) Tổ chức thực hiện:	

Gợi ý: Sử dụng dạy học hợp tác và kỹ thuật chia sẻ nhóm đôi. – GV tổ chức cho HS làm việc, thảo luận theo nhóm đôi. – GV yêu cầu mỗi nhóm đôi vận dụng cách tiêu dùng thông minh để nhận xét, tư vấn về hành vi mua sắm của nhân vật trong các trường hợp trong SGK trang 47. – Các thành viên tự ghi lại và chia sẻ cho bạn về suy nghĩ của bản thân. Sau đó, nhóm đôi này tiếp tục chia sẻ với nhóm. – GV có thể hoàn chỉnh ý HS phát biểu. – GV đưa ra đánh giá và kết luận.	– HS thảo luận nhóm đôi để đọc trường hợp và thực hiện các yêu cầu. – HS lắng nghe GV chốt ý và đối chiếu lại với phần trả lời của nhóm mình.
Gợi ý câu trả lời: – Bạn A cần phải tìm hiểu rõ nguồn gốc, xuất xứ của sản phẩm để đảm bảo an toàn cho sức khỏe của bản thân và gia đình. – Bạn K cần phải lên kế hoạch tiêu dùng hợp lý (mua sản phẩm nào, giá cả, chất lượng, số lượng, thương hiệu,...) trước khi vào chợ.	
Nhiệm vụ 3: Áp dụng cách tiêu dùng thông minh để xử lý tình huống	
a) Mục tiêu: TN.1, GQVĐ – ST.1, CD.1.4. b) Nội dung: HS đọc tình huống SGK trang 47 và thực hiện yêu cầu: <i>Áp dụng cách tiêu dùng thông minh và tham khảo ý kiến của bố mẹ, người thân để xây dựng kế hoạch mua sắm trong dịp sinh nhật, họp mặt, đám tiệc,... sao cho phù hợp.</i> c) Sản phẩm: HS xây dựng được kế hoạch mua sắm thông minh trong một dịp cụ thể. d) Tổ chức thực hiện:	
Gợi ý: Sử dụng dạy học hợp tác và kỹ thuật phòng tranh. – Giao nhiệm vụ: GV chia lớp thành 4 nhóm và giao nhiệm vụ cho các nhóm: Đọc các tình huống giả định trong SGK trang 47 và áp dụng cách tiêu dùng thông minh, tham khảo ý kiến của bố mẹ, người thân để xây dựng kế hoạch mua sắm trong dịp sinh nhật, họp mặt, đám tiệc,... sao cho phù hợp. – Sau khi thảo luận xong, HS ghi nội dung thảo luận ra giấy A3 và dán lên bảng trưng bày. Đại diện các nhóm lên thuyết trình. Khi nhóm thuyết trình, các nhóm còn lại lắng nghe, đặt câu hỏi, nhận xét, bổ sung. – GV kết luận và đánh giá.	– HS đọc lắng nghe và thực hiện nhiệm vụ. – Các nhóm lần lượt thảo luận theo sự hướng dẫn của GV. Khi thảo luận còn thắc mắc, yêu cầu nhóm ghi chú lại để cùng trao đổi với các nhóm khác. – Đại diện các nhóm lên trình bày, các nhóm còn lại đặt câu hỏi, bổ sung và góp ý. – HS lắng nghe GV chốt ý cũng như rút kinh nghiệm cho những hoạt động kế tiếp.

Hoạt động vận dụng	
Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu sản phẩm	
a) Mục tiêu: TN.1, GQVĐ – ST.1, CD. 1.4. a) Nội dung: HS lựa chọn một hoặc một số sản phẩm cần thiết với bản thân hoặc gia đình để tìm hiểu thông tin của sản phẩm. Sau đó, chia sẻ về kết quả tìm hiểu đó. c) Sản phẩm: HS nêu được thông tin sản phẩm và quyết định tiêu dùng. d) Tổ chức thực hiện: – GV yêu cầu HS chọn một hoặc một số sản phẩm cần thiết với bản thân hoặc gia đình để tìm hiểu thông tin của sản phẩm. Sau đó, chia sẻ về kết quả tìm hiểu đó. – GV cho thời gian HS thực hiện nhiệm vụ (có thể thực hiện ở nhà). – GV mời 1 – 2 HS chia sẻ thông tin của mình đã tìm hiểu. – GV nhận xét, động viên HS tích cực, sáng tạo trong việc tiêu dùng thông minh, phù hợp với bản thân.	
Hoạt động tổng kết	
a) Mục tiêu: Khắc sâu các yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực cho HS. b) Nội dung: Nhận xét, đánh giá thái độ, hành vi thực hiện tiêu dùng thông minh; khuyến khích, giúp đỡ người thân, bạn bè tiêu dùng thông minh. c) Tổ chức thực hiện:	
– GV yêu cầu đại diện của các nhóm tổng kết về các nội dung: + Biểu hiện của tiêu dùng thông minh. + Lợi ích của tiêu dùng thông minh. + Các cách tiêu dùng thông minh. + Khuyến khích giúp đỡ bạn bè, người thân tiêu dùng thông minh. – GV nhận xét, đánh giá mức độ HS đáp ứng yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực. – GV động viên, giao nhiệm vụ tiếp nối.	– Đại diện các nhóm trình bày ý kiến tổng kết về nội dung bài học. – Các nhóm khác góp ý kiến để hoàn thiện. – HS tiếp nhận ý kiến nhận xét, đánh giá của GV và nhận nhiệm vụ tiếp nối được giao.

IV. HỒ SƠ DẠY HỌC

A. NỘI DUNG DẠY HỌC

- *Xác định nội dung dạy học:*

- + Biểu hiện của tiêu dùng thông minh.
- + Lợi ích của tiêu dùng thông minh.
- + Các cách tiêu dùng thông minh.
- + Khuyến khích giúp đỡ bạn bè, người thân tiêu dùng thông minh.

- *Kiến thức trọng tâm:*

- Tiêu dùng thông minh là mua sắm có kế hoạch, tiết kiệm, hiệu quả và phù hợp với đặc điểm của từng cá nhân.

- Tiêu dùng thông minh giúp người tiêu dùng mua được sản phẩm có chất lượng, tiết kiệm thời gian, tiền bạc, thực hiện được kế hoạch chi tiêu, bảo vệ sức khỏe và quyền lợi của người tiêu dùng.

- Cách tiêu dùng thông minh:

- + Xác định nhu cầu chính đáng và lập kế hoạch tiêu dùng: Mua đồ dùng thiết yếu phù hợp với nhu cầu và đặc điểm của bản thân.

- + Tìm hiểu thông tin sản phẩm (chất lượng, mẫu mã, giá cả,...): Chủ động tìm hiểu các thông tin về sản phẩm thông qua nhiều kênh khác nhau để chọn lọc thông tin một cách chính xác.

- + Sử dụng sản phẩm an toàn: Sử dụng đúng cách, đảm bảo chất lượng, an toàn cho sức khỏe.

- + Lựa chọn phương thức thanh toán phù hợp: Sử dụng tiền mặt hoặc thanh toán trực tuyến phù hợp với bản thân, tình hình thực tế, kiểm tra kĩ hoá đơn trước khi thanh toán và lưu giữ chứng từ giao dịch để xử lí khi cần thiết.

- HS cần rèn luyện thói quen và tuân thủ cách tiêu dùng thông minh để đảm bảo an toàn tài chính, sức khỏe cho bản thân và gia đình. Đồng thời, khích lệ, tư vấn và thực hiện được những việc làm phù hợp để giúp đỡ người thân, bạn bè trở thành người tiêu dùng thông minh.

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Tổng Giám đốc NGUYỄN TIẾN THANH

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Tổ chức và chịu trách nhiệm bản thảo:

Phó Tổng biên tập NGUYỄN THÀNH ANH

Giám đốc Công ty cổ phần Dịch vụ xuất bản giáo dục Gia Định TRẦN THỊ KIM NHUNG

Biên tập nội dung: TRẦN THỊ MỸ TRIỀU

Thiết kế sách: HOÀNG CAO HIỀN

Trình bày bìa: NGUYỄN MẠNH HÙNG

Sửa bản in: TRẦN THỊ MỸ TRIỀU

Chế bản: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC GIA ĐỊNH

Địa chỉ sách điện tử và tập huấn qua mạng:

– Sách điện tử: *hanhtrangso.nxbgd.vn*

– Tập huấn online: *taphuan.nxbgd.vn*

**Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
và Công ty cổ phần Dịch vụ xuất bản giáo dục Gia Định.**

Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam và Công ty cổ phần Dịch vụ xuất bản giáo dục Gia Định.

**TÀI LIỆU TẬP HUẤN, BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN SỬ DỤNG SÁCH GIÁO KHOA
MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN LỚP 9 – Bộ sách Chân trời sáng tạo
(Tài liệu lưu hành nội bộ)**

Mã số:

In bản, (QĐ in số) khổ 19 x 26,5 cm

Đơn vị in:

Địa chỉ:

Số ĐKXB:

Số QĐXB:, ngày tháng năm 20...

In xong và nộp lưu chiểu tháng năm 20...

Mã số ISBN:



TRẦN TRỌNG GIỚI THIỂU

**TÀI LIỆU TẬP HUẤN,
BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN
SỬ DỤNG SÁCH GIÁO KHOA**
môn

**GIÁO DỤC
CÔNG DÂN**

LỚP 9

BỘ SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO



Sách không bán